

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA
V/v cung cấp cát tự nhiên cho.....

Số:...../.....CCNGL

Ngày....tháng năm

- Căn cứ Bộ luật Dân sự hiện hành và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Thương Mại hiện hành và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ vào quyền hạn, nhu cầu và khả năng của hai bên.

HAI BÊN GỒM CÓ:

CÔNG TY

Địa chỉ :

Điện thoại : Fax:

Mã số thuế :

Tài khoản :

Đại diện :Chức vụ:

Và

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM

Địa chỉ : 405 Song hành Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, Tp Thủ Đức, Tp Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 028 3740 4061

Mã số thuế : 0301975289

Tài khoản số: 0071000809348 tại NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam (VCB), Chi nhánh Tp HCM.

Đại diện là : Chức vụ :

(Dưới đây được gọi là “Bên Bán”)

Bên Mua và Bên Bán được gọi riêng là “*Bên*” và được gọi chung là “*các Bên*”.

Bên Mua và Bên Bán mong muốn cùng nhau ký kết Hợp đồng này để Bên Bán thực hiện việc cung cấp hàng hóa theo yêu cầu của Bên Mua và tương ứng với điều khoản và điều kiện của Hợp đồng mua bán hàng hóa như sau:

Điều 1. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG:

1.1 Bên Bán đồng ý bán, Bên Mua đồng ý mua Cát tự nhiên (gọi chung là hàng hóa) với khối lượng, đơn giá như sau:

Stt	Hàng hóa	ĐVT	Khối lượng dự kiến (± 10%)	Đơn giá (đồng/tấn)
1	Cát tự nhiên	Tấn		
	Thuế GTGT 10%			
	Tổng cộng sau thuế			

1.2 Khối lượng thực tế giao: Bên Mua thông báo cho Bên Bán bằng đơn đặt hàng.

1.3 Đơn giá Cát tự nhiên nêu trên được thanh toán với khối lượng quy đổi về độ ẩm 0%.

1.4 Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh. Đơn giá sẽ được điều chỉnh khi đơn giá Cát và nhiên liệu thay đổi. Công thức tính khi đơn giá thay đổi như sau:

$$\mathbf{ĐGC = ĐGNL + ĐGVC}$$

Trong đó:

- *ĐGVC: Đơn giá vận chuyển Cát.*
- *ĐGNL: Đơn giá Cát*
- *ĐGC: Đơn giá cung cấp cát đến kho chi nhánh Bên Mua tại thời điểm ký Hợp đồng....đồng /tấn (bao gồm chi phí mua Cát, chi phí vận chuyển và VAT).*
- *Đơn giá vận chuyển Cát là:đồng/tấn (đã bao gồm VAT).*
- *Đơn giá Cát chưa bao gồm cước vận chuyển là:đồng/tấn (đã bao gồm VAT).*

Đơn giá trên được xác lập theo mức giá dầu Diesel (DO) 0.05%S vùng 1 do Petrolimex công bố ngàylà: đồng/lít (có VAT).

1.5 Tỷ lệ thống nhất dầu DO chiếm 27% trong đơn giá giao hàng đến chi nhánh Bên Mua. Trong trường hợp giá dầu DO 0,05%S vùng 1 do Petrolimex công bố tăng hoặc giảm vượt quá ± 10% so với thời điểm thỏa thuận giá gần nhất thì sẽ xác định lại chi phí nhiên liệu để làm cơ sở điều chỉnh đơn giá thực hiện nêu trên theo công thức sau:

$$ĐGVC_{mới} = ĐGVC_{cũ} \times \left(0,73 + 0,27 \times \frac{ĐG (DO)_{mới}}{ĐG (DO)_{cũ}} \right)$$

Trong đó:

- $DGVC_{mới}$: Đơn giá vận chuyển mới áp dụng ngay sau ngày giá Diesel biến động.
- $DGVC_{cũ}$: Đơn giá vận chuyển cũ.
- $DG (DO)$ mới : Đơn giá dầu DO 0,05%S mới.
- $DG (DO)$ cũ : Đơn giá dầu DO 0,05%S cũ.
- 0,27 (27%) là tỷ lệ chi phí nhiên liệu trong đơn giá vận chuyển.
- 0,73 (73%) là tỷ lệ chi phí khác chi phí nhiên liệu trong đơn giá vận chuyển.

1.6 Bên Bán sẽ nộp cho Bên Mua bảo lãnh thực hiện Hợp đồng không hủy ngang, vô điều kiện thanh toán có giá trị 02% giá trị hợp đồng trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày Bên Mua chấp thuận dự thảo thư bảo đảm thực hiện Hợp đồng. Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng có hiệu lực bằng thời gian thực hiện Hợp đồng cộng thêm 30 ngày kể từ ngày phát hành, và nội dung bảo lãnh phải được Bên Mua chấp nhận trước khi phát hành.

1.7 Thời gian thực hiện: Từ ngày **01/01/2024** đến hết ngày **31/12/2024**. Trong mọi trường hợp, Bên Mua hoặc Bên Bán có quyền được đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn. Một trong Hai Bên nếu có nhu cầu đơn phương chấm dứt Hợp đồng thì phải thông báo cho Bên kia bằng văn bản biết về việc đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước 15 ngày.

Điều 2. TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY CÁCH:

Stt	Các chỉ tiêu	Mức yêu cầu
1	Hàm lượng oxit silic (SiO_2)	$\geq 85 \%$
2	Hàm lượng mất khi nung (MKN)	$\leq 1,5 \%$
3	Độ ẩm (W)	$\leq 15 \%$

Điều 3. ĐỊA ĐIỂM GIAO HÀNG, PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN, NGHIỆM THU:

3.1 Trước ngày 25 hàng tháng, Bên Mua thông báo cho Bên Bán khối lượng nhu cầu sử dụng hàng hóa tại chi nhánh Bên Mua của tháng tiếp theo bằng đơn đặt hàng.

3.2 Bên Bán xác nhận đơn đặt hàng và tiến hành giao hàng tại Chi nhánh của Bên Mua theo kế hoạch đã thống nhất và lập Biên bản giao nhận hàng hóa ký xác nhận với cấp có thẩm quyền của chi nhánh Bên Mua.

3.3 Địa điểm giao hàng: bến tiếp nhận Chi nhánh của Bên Mua.....

3.4 Bên Mua chịu trách nhiệm bốc hàng vào kho của mình.

3.5 Khi giao nhận Cát, Hai Bên sẽ kiểm tra chất lượng cát và Bên Mua sẽ tiến hành lấy mẫu Cát để xác định các chỉ tiêu kỹ thuật trên theo quy định của Hợp đồng.

3.6 Việc nghiệm thu, tiếp nhận Cát sẽ tuân thủ theo các quy trình tiếp nhận của Chi nhánh Bên Mua.

3.7 Khối lượng Cát thực tế giao nhận và thanh toán được xác định qua đo đạc môn nước phương tiện thủy của Bên Bán tại bến tiếp nhận của Chi nhánh Bên Mua với độ ẩm theo kết quả lấy mẫu của Phòng Thí Nghiệm - KCS Chi nhánh Bên Mua và quy đổi về độ ẩm 0% theo công thức quy đổi như sau:

$$P_{tn} = P_{pt} \times \frac{100 - W_{tt}}{100}$$

Trong đó:

- P_{tn} : Khối lượng Cát thanh toán tương ứng độ ẩm 0%.
- P_{pt} : Khối lượng Cát thực tế giao nhận tại Chi nhánh Bên Mua.
- W_{tt} : Độ ẩm thực tế tại Chi nhánh Bên Mua theo kết quả phân tích của Phòng Thí Nghiệm - KCS Chi nhánh Bên Mua.

3.8 Giới hạn trong việc tiếp nhận:

- Khi **độ ẩm > 15%**: cho phép tiếp nhận và, thông báo Bên Bán khắc phục, nhưng không được quá 03 lần liên tiếp. Nếu quá 03 lần, Bên Mua có quyền yêu cầu Bên Bán giao hàng thay thế, Bên Bán tự chịu các chi phí phát sinh và các chế tài theo quy định tại hợp đồng này.

- Khi **hàm lượng mất khi nung > 1,5%**: cho tiếp nhận và trừ vào khối lượng theo công thức:

$$P_{tn} = P_{pt} \times \frac{100 - W_{tt}}{100} \times \frac{100 - l}{100}$$

Trong đó:

- P_{tn} : Khối lượng Cát thanh toán (tấn).
- P_{pt} : Khối lượng Cát giao nhận tại Chi nhánh Bên Mua (tấn).
- W_{tt} : Độ ẩm thực tế tại Chi nhánh Bên Mua theo kết quả phân tích của Phòng Thí Nghiệm - KCS Chi nhánh Bên Mua (%).
- MKN_{tt} : Lượng mất khi nung thực tế theo kết quả phân tích của Phòng Thí Nghiệm - KCS Chi nhánh Bên Mua (%).
- MKN_{yc} : Lượng mất khi nung theo yêu cầu của hợp đồng (1,5 %).

- **Hàm lượng SiO₂:**

Khi chỉ tiêu $80\% \leq SiO_2 < 85\%$ cho tiếp nhận, thông báo Bên Bán khắc phục

và trừ vào khối lượng theo công thức:

$$P_{tn} = P_{pt} \times \frac{100 - W_{tt}}{100} \times \frac{Stt}{S_{yc}}$$

Trong đó:

- P_{tn} : Khối lượng Cát thanh toán (tấn).
 - P_{pt} : Khối lượng Cát giao nhận tại Chi nhánh Bên Mua (tấn).
 - W_{tt} : Độ ẩm thực tế tại Chi nhánh Bên Mua theo kết quả phân tích của Phòng Thí Nghiệm - KCS Chi nhánh Bên Mua (%).
 - Stt : Hàm lượng SiO_2 thực tế theo kết quả phân tích của Phòng Thí Nghiệm - KCS Chi nhánh Bên Mua (%).
 - S_{yc} : Hàm lượng SiO_2 theo yêu cầu của hợp đồng (85%).
- ❖ Khi chỉ tiêu **$SiO_2 < 80\%$** từ chối tiếp nhận và thông báo cho Bên Bán đổi lại lô hàng khác đạt chất lượng theo yêu cầu. Bên Bán tự chịu các chi phí phát sinh và các chế tài theo quy định tại hợp đồng này.

3.9 Giao nhận hàng hóa:

- Vào ngày cuối của mỗi tháng, Bên Bán và Chi nhánh Bên Mua sẽ tiến hành lập Biên bản quyết toán khối lượng và giá trị bao gồm:
 - Khối lượng, giá trị hàng hóa Bên Bán đã giao cho chi nhánh Bên Mua.
 - Khối lượng, giá trị hàng hóa thực tế Chi nhánh Bên Mua đã xuất sử dụng.
 - Khối lượng, giá trị hàng hóa còn lại đã xuất hóa đơn nhưng chưa sử dụng chuyển sang cộng dồn cho tháng tiếp theo.
- Khối lượng xuất hóa đơn sẽ căn cứ vào khối lượng hàng hóa thực nhận trong tháng.
- Khối lượng, giá trị thanh toán sẽ căn cứ vào khối lượng hàng hóa được đưa vào sử dụng căn cứ theo Bảng quyết toán hàng tháng.
- Biên bản quyết toán khối lượng và giá trị hàng hóa sẽ được thực hiện chậm nhất trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày cuối tháng.

Điều 4. TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN:

4.1 Trách nhiệm của Bên Mua:

- a. Thông báo bằng văn bản kế hoạch nhận hàng cho Bên Bán.
- b. Thanh toán cho Bên Bán theo đúng quy định tại Điều 5 của Hợp đồng.
- c. Ngoài nghĩa vụ phải thanh toán tiền hàng cho Bên Bán theo đúng quy định của Hợp đồng, sẽ không bị ràng buộc bởi bất cứ nghĩa vụ, trách nhiệm nào khác đối với Bên Bán không được quy định trong Hợp đồng.

d. Khi muốn chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn phải thông báo bằng văn bản cho Bên Bán biết trước 15 ngày.

4.2 Trách nhiệm của Bên Bán:

a. Cam kết và có trách nhiệm bảo mật tất cả các thông tin, tài liệu của Hai Bên có liên quan đến Hợp đồng này trước và sau khi Hợp đồng này chấm dứt.

b. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về nguồn gốc, xuất xứ và pháp lý liên quan của hàng hóa theo quy định pháp luật.

c. Đảm bảo cung cấp đúng khối lượng, chất lượng, thời gian giao nhận hàng hóa theo thông báo của Bên Mua đã được Bên Bán xác nhận.

d. Phương tiện, người điều khiển phương tiện và nhân viên của Bên Bán phải tuân thủ theo đúng nội quy và sự sắp xếp điều động của Chi nhánh Bên Mua để tránh gây trở ngại đến việc giải phóng phương tiện và làm ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất của Bên Mua. Phải giữ vệ sinh, trật tự, tự bảo quản vật tư tài sản, phương tiện, đảm bảo an toàn về phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường, an toàn lao động, an ninh trật tự và các quy định nội bộ khác của bên mua trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng tại chi nhánh Bên Mua. Nếu gây ra tai nạn cho người hoặc phương tiện hoặc gây thiệt hại cho Bên Mua/Bên thứ 3 thì Bên Bán hoàn toàn chịu trách nhiệm và bồi thường thiệt hại cho Bên Mua/ Bên thứ 3.

e. Chịu trách nhiệm đầy đủ về mặt pháp lý các giấy tờ lưu hành phương tiện và người lái theo Luật giao thông quy định về an toàn của phương tiện trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng.

f. Trong quá trình lưu đậu phương tiện tại khu vực giao hàng của Bên Mua hoặc trong thời gian giao nhận hàng, phương tiện vận tải của Bên Bán gây ra sự cố (như cháy nổ, tai nạn,...) gây ô nhiễm môi trường, ách tắc tại khu vực của Bên Mua, Bên Bán chịu hoàn toàn trách nhiệm trong việc giải quyết sự cố, nộp phạt và bồi thường các thiệt hại do các sự cố này gây ra.

g. Phương tiện Bên Bán giao hàng phải chịu sự điều động sắp xếp của Bên Mua. Phương tiện và người điều khiển phương tiện của Bên Bán phải có đầy đủ giấy phép lưu hành theo quy định của pháp luật và an toàn khi lưu thông.

h. Cam kết hàng hóa cung cấp cho Bên Bán có nguồn gốc hợp pháp, được khai thác từ các khu vực có giấy phép khai thác, có giấy phép bán hàng của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

i. Bên Bán cam kết có đầy đủ năng lực pháp luật để thực hiện Hợp đồng này. Tại thời điểm ký Hợp đồng, Bên Bán được thực hiện hoạt động kinh doanh (khai thác) Cát theo yêu cầu của cơ quan nhà nước, Bên Bán có trách nhiệm duy trì các giấy phép phục vụ cho việc thực hiện Hợp đồng này cho đến khi Hợp đồng chấm dứt.

j. Không được chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần Hợp đồng hoặc bất cứ phần lợi ích cho Bên thứ 3 mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Bên Mua.

k. Nếu Bên Bán muốn chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn thì phải thông báo bằng văn bản cho Bên Mua biết trước 15 ngày.

l. Hàng hóa trước khi giao phải được loại bỏ các vật lạ như cây gỗ, sắt thép... có thể gây mất an toàn làm hư hỏng thiết bị của Bên Mua.

Điều 5. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN:

5.1 Sau khi kết thúc việc giao nhận hàng của 01 tháng, Bên Mua thanh toán cho Bên Bán bằng chuyển khoản 100% giá trị hàng hóa trong vòng 45 ngày sau khi nhận đủ hàng và các chứng từ sau:

a. Giấy đề nghị thanh toán của Bên Bán thể hiện đầy đủ các nội dung: số tiền thanh toán, tên tài khoản, số tài khoản tại Ngân hàng (bản chính).

b. Đơn đặt hàng do Bên Mua phát hành có ký xác nhận của Bên Bán (bản sao hoặc fax).

c. Biên bản giao nhận hàng hóa bằng phương pháp đo móm nước phương tiện thủy có ký xác nhận giữa chi nhánh Bên Mua và Bên Bán (bản chính).

d. Hóa đơn GTGT của Bên Bán xuất cho: Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên.....

e. Biên bản quyết toán khối lượng và giá trị có ký xác nhận của Chi nhánh Bên A và Bên B (trong đó có các chỉ tiêu để tiếp nhận, nghiệm thu và chỉ tiêu để phạt; Khối lượng và giá trị kỳ trước đã xuất hóa đơn chưa thanh toán; khối lượng và giá trị đã xuất kỳ này; khối lượng thực tế đưa vào sử dụng trong tháng làm cơ sở thanh toán và giá trị thanh toán; khối lượng và giá trị còn lại đã xuất hóa đơn chưa đưa vào sử dụng còn tồn kho; khối lượng và giá trị vi phạm bị khấu trừ...) (bản chính).

f. Phiếu nhập kho của Chi nhánh bên Mua (bản chính).

g. Biên bản nghiệm thu do Chi nhánh Bên Mua lập (bản chính).

h. Phiếu kết quả thử nghiệm do Chi nhánh Bên Mua lập (bản chính).

i. Văn bản phạt vi phạm (nếu có) (bản chính).

5.2 Bên Mua được tạm ngừng thanh toán khi:

- Bên Bán có hành vi lừa dối, không trung thực trong việc thực hiện hợp đồng hoặc cung cấp các thông tin liên quan đến Hợp đồng này.

- Hàng hóa đang là đối tượng bị tranh chấp.

- Bên bán đã giao hàng không phù hợp với Hợp đồng.

- Trường hợp khác quy định tại Hợp đồng này.

Điều 6. BẤT KHẢ KHÁNG:

6.1 “Bất khả kháng” có nghĩa là một sự kiện ngoài khả năng kiểm soát của Hai Bên, không liên quan đến sự sai phạm hoặc thiếu trách nhiệm của Hai Bên và không thể thấy trước được. Những sự kiện đó có thể bao gồm, nhưng không hạn chế như: chiến tranh hoặc bạo loạn, cháy, lụt, động đất, dịch bệnh, cấm vận...

6.2 Không Bên nào được coi là vi phạm Hợp đồng và có nghĩa vụ bồi thường vì đã không thực hiện được các nghĩa vụ đã được thỏa thuận trong Hợp đồng do bị ảnh hưởng bởi các sự kiện bất khả kháng theo quy định của pháp luật.

6.3 Trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ khi sự kiện bất khả kháng xảy ra, Bên gặp phải sự kiện bất khả kháng phải thông báo bằng văn bản cho Bên kia biết và trong mọi trường hợp phải dùng mọi nỗ lực cao nhất, phù hợp với hoàn cảnh và trong phạm vi pháp luật cho phép để loại bỏ và khắc phục những nguyên nhân đó một cách nhanh nhất.

6.4 Nếu có bất kỳ sự kiện bất khả kháng nào có ảnh hưởng dẫn đến việc Bên Bán không thể cung cấp hàng hóa theo Hợp đồng này, Bên Mua hoàn toàn có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn mà không bị ràng buộc bởi bất cứ trách nhiệm pháp lý nào. Trong trường hợp này các Bên sẽ tiến hành lập biên bản xác định các nghĩa vụ pháp lý giữa các bên trên cơ sở hợp đồng, kết luận của cơ quan nhà nước về sự kiện bất khả kháng và tiến độ thực tế của việc giao hàng, kết quả nghiệm thu hàng hóa và tiến hành việc thanh lý Hợp đồng.

Điều 7. QUY ĐỊNH KHÁC VỀ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG:

7.1 Sau khi hàng hóa được giao theo chỉ định của bên Mua tại địa điểm giao hàng được thỏa thuận trong Hợp đồng này, các Bên sẽ cùng nhau tiến hành việc kiểm tra và giao hàng hóa. Trường hợp có bất kỳ tranh chấp nào về việc kiểm tra chất lượng hàng hóa có đảm bảo các yêu cầu về quy cách, chất lượng được quy định trong Hợp đồng này hay không, các Bên tại đây đồng ý rằng sẽ bổ nhiệm một Bên thứ ba độc lập thực hiện việc giám định hàng hóa có tranh chấp nói trên. Kết luận của đơn vị giám định độc lập là quyết định cuối cùng và có giá trị pháp lý đối với các Bên. Kết luận của đơn vị giám định được chỉ định chỉ ra lỗi thuộc về Bên nào thì Bên có lỗi chịu trách nhiệm thanh toán phần chi phí giám định đó, trong trường hợp cả hai bên cùng có lỗi thì chi phí thanh toán theo mức độ lỗi của các Bên gây ra, trong trường hợp cả Hai Bên không có lỗi thì chi phí giám định mỗi Bên chịu 50%.

7.2 Bên Mua có quyền ngừng việc thanh toán cho đến khi Bên Bán thực hiện được các biện pháp khắc phục cần thiết trong thời hạn nêu tại thông báo bằng văn bản của Bên Mua gửi cho Bên Bán và/hoặc tùy theo quyết định của mình, Bên Mua có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng này đối với các trường hợp sau đây:

a. Bên Mua có bằng chứng chứng minh việc Bên Bán lừa dối hoặc vi phạm các tuyên bố và bảo đảm của mình tại phần trách nhiệm của Bên Bán trong Hợp

đồng này; hoặc

b. Trong trường hợp có bất kỳ tranh chấp nào đối với hàng hóa được nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này với Bên thứ ba. Các Bên sẽ, mà không trì hoãn, tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ khác tương ứng của mình theo Hợp đồng này mà không bị ảnh hưởng bởi tranh chấp.

Điều 8. CHUYỂN QUYỀN SỞ HỮU VÀ RỦI RO:

8.1 Quyền sở hữu và chịu trách nhiệm rủi ro, mất mát đối với hàng hóa được Bên Bán cung cấp theo Hợp đồng này được chuyển giao từ thời điểm Bên Mua nhận được hàng hóa kèm theo biên bản nghiệm thu hàng hóa đạt yêu cầu.

8.2 Trường hợp hàng hóa bị trả lại thì thời điểm chuyển giao rủi ro tính từ thời điểm các bên hoàn tất việc hoàn trả hàng hóa hoặc hết hạn yêu cầu Bên Bán tới nhận lại hàng tùy trường hợp nào đến trước.

Điều 9. BẢO MẬT THÔNG TIN:

9.1 Trong thời hạn có hiệu lực của Hợp đồng này, các Bên cam kết bảo mật toàn bộ các thông tin liên quan bao gồm nhưng không giới hạn ở các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này; các thông tin liên quan được một trong các Bên thông báo bằng lời nói, văn bản hay bằng bất cứ một hình thức nào khác.

9.2 Không Bên nào được tiết lộ hoặc cho phép bất kỳ một bên thứ ba nào sử dụng những thông tin này, ngoại trừ được sự đồng ý bằng văn bản của Bên kia. Nghĩa vụ bảo mật đối với các thông tin được đề cập ở trên không bao gồm các thông tin được hoặc sẽ được công khai rộng rãi hoặc được các Bên thường xuyên cung cấp cho các bên thứ ba mà không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của Bên kia hoặc cung cấp theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

9.3 Hiệu lực của điều khoản bảo mật thông tin không phụ thuộc vào hiệu lực Hợp đồng này. Nghĩa vụ bảo mật phải được đảm bảo trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng và sau khi Hợp đồng này chấm dứt.

Điều 10. THÔNG BÁO

10.1 Mọi thông báo hay liên lạc được thực hiện theo Hợp đồng này của một Bên gửi Bên còn lại phải được lập bằng văn bản và được gửi bằng thư bảo đảm phát nhanh hay email/fax (kèm theo bản gốc gửi bằng thư bảo đảm).

10.2 Mọi thông báo hay liên lạc theo Hợp đồng này được coi là đã nhận được trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau ngày đóng dấu bưu điện trong trường hợp gửi bằng thư bảo đảm hàng không, ba (03) ngày làm việc sau khi gửi thư chuyển phát nhanh và ngay lập tức nếu chuyển bằng fax hoặc xác định theo thời gian thực nhận, tùy trường hợp nào đến trước.

10.3 Mọi thông báo hay trao đổi thông tin theo Hợp đồng này phải được gửi cho các Bên theo địa chỉ phù hợp nêu tại phần giới thiệu các Bên của Hợp đồng này hoặc theo thông báo hợp lệ điều chỉnh gần nhất của Bên nhận thông tin.

Điều 11. TRÁCH NHIỆM KHI VI PHẠM HỢP ĐỒNG VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

11.1 Nếu Bên Bán đơn phương ngừng thực hiện Hợp đồng, hoặc cung cấp không đủ khối lượng, không đảm bảo thời gian, chất lượng hàng hóa theo quy định của Hợp đồng (trừ trường hợp bất khả kháng và/hoặc do lỗi của Bên Mua) thì Bên Mua được quyền yêu cầu Bên Bán thực hiện lại hoặc khắc phục và Bên Bán phải chịu phạt tối đa **8%** giá trị phần Hợp đồng bị vi phạm và bồi thường mọi thiệt hại cho Bên Mua (nếu có).

11.2 Nếu Bên Bán không đáp ứng được yêu cầu của Bên Mua về mặt thời gian, khối lượng, chất lượng hàng hóa quá 2 lần (trừ trường hợp bất khả kháng) hay vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào khác theo Hợp đồng này hoặc đơn phương chấm dứt Hợp đồng, thì bên cạnh các chế tài theo quy định tại phần 1 Điều này, Bên Mua được quyền chấm dứt Hợp đồng mà không chịu các trách nhiệm có liên quan.

Điều 12. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

12.1. Trong quá trình thực hiện, nếu có bất kỳ tranh chấp nào xảy ra liên quan đến Hợp đồng đều phải được giải quyết thông qua thương lượng giữa các Bên trên cơ sở thiện chí hợp tác và các Bên cùng có lợi. Kết quả thương lượng phải được thể hiện bằng văn bản.

12.2. Trong trường hợp các Bên không thể tự giải quyết được các tranh chấp thông qua thương lượng, một trong các Bên có quyền yêu cầu Tòa án cấp có thẩm quyền nơi có địa chỉ trụ sở chính của Bên Mua để giải quyết. Quyết định có hiệu lực của Tòa án là quyết định cuối cùng và có giá trị ràng buộc đối với các Bên.

12.3. Hợp đồng này sẽ được điều chỉnh và giải thích theo quy định của pháp luật Việt Nam.

12.4. Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký kết và xem như đã được thanh lý và chấm dứt nếu hai bên đã hoàn thành các nghĩa vụ của mình trong hợp đồng.

12.5. Hợp đồng này được lập thành ba (03) bản bằng tiếng Việt và có giá trị như nhau. Bên Mua sẽ giữ hai (02) bản và Bên Bán sẽ giữ một (01) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN

ĐẠI DIỆN BÊN MUA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN CLINKER

Số:.....

- Căn cứ vào Bộ Luật Dân sự hiện hành và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ vào Luật Thương Mại hiện hành và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ quyền hạn, nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày tháng năm, tại, chúng tôi gồm:

Bên Bán:

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Mã số thuế:.....

Đại diện.....Chức vụ:

Bên Mua: CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM

Địa chỉ: 405 Song hành Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, Tp Thủ Đức, Tp Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (028) 37404061 Fax: (028) 37404062

Tài khoản số: 0071000809348 tại NH TMCP Ngoại thương VN- CN. Tp Hồ Chí Minh

Mã số thuế: 0301975289

Đại diện.....Chức vụ:.....

Sau khi xem xét và bàn bạc, hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng mua bán Clinker theo các điều khoản sau đây:

Điều 1. NỘI DUNG

Bên Bán đồng ý bán và Bên Mua đồng ý mua mặt hàng Clinker (được gọi là hàng hóa) với các nội dung chính như sau:

- Tên hàng: Clinker CPC50 (theo tiêu chuẩn TCVN 7024 : 2013).
- Xuất xứ: Clinker do Công ty CP Xi măng Vicem Hạ Long sản xuất, xuất trực tiếp từ silo clinker, không lấy tại bãi ngoài trời và/hoặc kho bảo quản.

- Số lượng dự kiến (tấn/năm): Theo đơn đặt hàng của bên Mua, trong trường hợp có thay đổi sẽ cập nhật và thông báo trước 03-05 ngày theo đơn đặt hàng của Bên mua và được Bên bán chấp nhận.

- Thời gian thực hiện: từ ngày..... đến 31/12/2024.

Điều 2. QUY CÁCH PHẨM CHẤT:

- Clinker C_{PC}50 sản xuất theo tiêu chuẩn TCVN 7024 : 2013 với các chỉ tiêu chính, cụ thể như sau:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức C _{PC} 50
1.	Hoạt tính cường độ, không nhỏ hơn		
	3 ngày ± 45 phút	N/mm ²	25
	28 ngày ± 8 giờ	N/mm ²	50
2.	Hàm lượng SiO ₂	%	Từ 18 đến 26
3.	Hàm lượng AL ₂ O ₃	%	Từ 3 đến 8
4.	Hàm lượng Fe ₂ O ₃	%	Từ 2 đến 5
5.	Hàm lượng CaO	%	Từ 58 đến 67
6.	Hàm lượng MgO, không lớn hơn	%	5,0
7.	Lượng cặn không tan, không lớn hơn (kiểm tra khi cần)	%	0,75
8.	Hàm lượng vôi tự do (CaOtd), không lớn hơn	%	2
9.	Hàm lượng mất khi nung, không lớn hơn (kiểm tra khi cần)	%	1,0
10.	Độ ẩm, không lớn hơn	%	1,0
11.	Màu sắc		Xanh xám

Clinker được sản xuất và kiểm tra chất lượng theo từng lô. Tất cả các lô hàng được kiểm tra chất lượng theo qui trình của phòng Thí nghiệm - KCS của đơn vị sản xuất.

Điều 3. ĐƠN GIÁ

Hàng hoá	Số lượng dự kiến (tấn)	Đơn giá VNĐ/tấn (chưa gồm VAT)	Địa điểm giao hàng
Clinker C _{PC} 50			

Trong trường hợp sản lượng mua bán vượt quá 10% thì hai Bên sẽ thống nhất bằng phụ lục hợp đồng.

- Đơn giá trên là giá chưa bao gồm thuế VAT và giao trên phương tiện của Bên mua tại cảng xuất nguyên liệu của Bên bán.

- Mức giá bán có thể thay đổi theo tình hình thị trường. Trước khi thay đổi Bên Bán sẽ thông báo cho Bên Mua bằng văn bản và sẽ được hai bên xem xét để thống nhất bằng phụ lục hợp đồng.

- Đơn giá được xác định tại thời điểm giao nhận hàng.

Điều 4. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM VÀ PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN

- Khi có nhu cầu nhận hàng Bên Mua gửi đơn đặt hàng cho Bên Bán trước 05 ngày và Bên Bán xác nhận trong vòng 24h kể từ khi nhận được đơn đặt hàng của Bên Mua.

- Địa điểm giao hàng: Bên Bán giao clinker trên phương tiện tàu biển của Bên Mua tại cảng xuất nguyên liệu của Bên Bán.

- **Phương thức xác định khối lượng giao nhận:**

• Hình thức giao nhận: Khối lượng hàng hóa thực tế giao nhận và thanh toán được xác định qua đo mớn nước tàu biển tại cảng xuất nguyên liệu Bên Bán do cơ quan giám định độc lập do Bên Mua chỉ định thực hiện. Chi phí giám định do Bên Mua chịu.

Điều 5. KIỂM TRA, GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

- Trong quá trình clinker được giao trên phương tiện của Bên Mua tại cảng xuất, Bên Bán cùng đại diện của Bên Mua sẽ lấy mẫu kiểm tra chất lượng của lô clinker giao trên từng phương tiện. Khi lấy mẫu hai bên sẽ lập biên bản và phải lưu mẫu có niêm phong. Mẫu hỗn hợp được lấy từ mẫu trên từng phương tiện sẽ được chia làm 03 phần bằng nhau (mỗi phần 10kg):

• Phần 1: Giao cho đại diện đơn vị vận chuyển do Bên Mua thuê và ủy quyền.

• Phần 2: Giao cho phòng Thí nghiệm - KCS của khách hàng bên Mua để kiểm nghiệm.

• Phần 3: Lưu giữ tại phòng Thí nghiệm - KCS của bên Bán. Trong trường hợp có khiếu nại liên quan đến chất lượng hàng hoá thì mẫu này sẽ được gửi đến Quatest 3 để giám định lại. Các chi phí phát sinh sẽ do bên vi phạm chịu. Kết quả giám định do đơn vị này cấp sẽ là cuối cùng và là cơ sở để khiếu nại (nếu có).

- Bên Bán cung cấp cho Bên Mua giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm do phòng Thí nghiệm - KCS của bên Bán phát hành.

- Khối lượng mỗi lô hàng được cấp giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm của nhà máy đầu nguồn cấp theo tàu hoặc theo lô tùy thuộc nguồn kiểm tra.

- Thời gian cấp phiếu chứng nhận chất lượng sản phẩm cho mỗi lô hàng sau 03 ngày.

- Trong trường hợp chất lượng clinker không đúng với tiêu chuẩn quy định của hợp đồng, hai bên sẽ thỏa thuận giảm giá clinker cho tương ứng với chất lượng clinker giao trên tinh thần hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau để tìm ra một giải pháp giải quyết phù hợp trong đó có xem xét đến những bất lợi về cả kinh tế lẫn kỹ thuật mà khách hàng Bên Mua gặp phải trong trường hợp chấp nhận clinker không đạt chất lượng do Bên Bán giao.

- Trong trường hợp khách hàng Bên Mua từ chối nhận clinker có chất lượng không đảm bảo quy định trong hợp đồng, Bên Bán phải đảm bảo cung cấp lượng clinker đủ tiêu chuẩn khác để thay thế nhằm đáp ứng yêu cầu của Bên Mua về cả số lượng, chất lượng và thời gian cung cấp mà không được đòi bất kỳ chi phí phát sinh nào thêm. Thời gian thay thế được xem như giao hàng chậm và chịu các chế tài theo quy định trong hợp đồng này. Đồng thời Bên Bán phải nhận lại toàn bộ số lượng clinker không đủ tiêu chuẩn do khách hàng Bên Mua trả lại bằng chi phí của mình.

- Sau khi có Phiếu kết quả chất lượng clinker 28 ngày do Phòng TN-KCS của khách hàng Bên Mua thực hiện. Nếu kết quả không đạt so với bất cứ chỉ tiêu nào theo quy định của hợp đồng và bên Bán không đồng ý thì Bên Bán sẽ gửi mẫu lưu tại Phòng Thí nghiệm – KCS của khách hàng Bên Mua đến Trung tâm kiểm định do lường chất lượng Tp HCM (Quatest 3) để giám định lại. Kết quả kiểm định của Quatest 3 sẽ là căn cứ để xác định trách nhiệm các Bên. Bên Bán sẽ chịu phạt không quá 8% giá trị lô hàng hóa bị vi phạm, nếu kết quả chất lượng mẫu clinker gửi đến Quatest 3 không đạt so với quy định của Hợp đồng. Số tiền phạt này sẽ được trừ vào lần thanh toán kế tiếp hoặc Bên Bán phải hoàn trả lại cho Bên Mua.

- **Bảo hành chỉ tiêu chỉ số hoạt tính cường độ 28 ngày:** Trong trường hợp cường độ 28 ngày < 50 MPa thì bên bán phải giảm trừ số tiền thanh toán cho bên mua theo công thức sau (số tiền giảm trừ này không tính bao gồm trong số tiền phạt vi phạm chất lượng nêu trên).

B/A tt

$$G = P_q \times \left(1 - \frac{\text{B/A tt}}{\text{R/A ...}}\right) \times I$$

Trong đó:

R/A ...

- + G: tổng số tiền phải khấu trừ (VNĐ).
- + Đ: đơn giá hàng hóa theo hợp đồng (VNĐ/tấn).
- + P_q: khối lượng lô hàng hóa bị vi phạm sau khi đã quy đổi về độ ẩm bằng 1% (tấn).
- + B/A tt: chỉ số hoạt tính cường độ 28 ngày theo thực tế.

+ B/A_{yc} : chỉ số hoạt tính cường độ 28 ngày theo yêu cầu.

Chỉ số hoạt tính cường độ 28 ngày theo yêu cầu trong hợp đồng là 50 MPa.

- Bên Bán cam kết Clinker đạt chất lượng theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 7024 : 2013.

Sau 45 ngày kể từ ngày nhận hàng, nếu khách hàng của Bên Mua không có khiếu nại về chất lượng thì hàng hóa coi như đạt chất lượng quy định theo hợp đồng.

Điều 6. KHOẢN THANH TOÁN

- Hình thức thanh toán: chuyển khoản hoặc bù trừ công nợ bằng Biên bản bù trừ công nợ có xác nhận của hai bên khi có phát sinh công nợ qua lại lẫn nhau.

- Đồng tiền thanh toán: VNĐ (Việt Nam đồng).

- Phương thức thanh toán: Sau khi hoàn tất giao hàng, dựa trên số lượng giao nhận thực tế, Bên Mua có trách nhiệm thanh toán đầy đủ số tiền theo bộ chứng từ hợp lệ mà Bên Bán cung cấp trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ bộ hồ sơ thanh toán hợp lệ như sau:

- Giấy đề nghị thanh toán có chữ ký, con dấu của Bên Bán.
- Hóa đơn GTGT hợp lệ Bên Bán xuất cho Bên Mua.
- Phiếu kết quả thử nghiệm 03 ngày, 28 ngày của lô hàng do Phòng TN-KCS của đơn vị sản xuất phát hành (bản chính).
- Phiếu kết quả thử nghiệm 03 ngày, 28 ngày của lô hàng do Phòng TN-KCS của khách hàng Bên Mua phát hành (bản chính). (Do Bên Mua cung cấp).
- Phiếu kết quả thử nghiệm độ ẩm do đơn vị giám định độc lập phát hành (bản chính).
- Biên bản giao nhận hàng do đại diện uỷ quyền của Bên Mua và Bên Bán ký kết đính kèm chứng thư giám định khối lượng tàu biển của đơn vị giám định độc lập (chứng thư điện tử hoặc bản chính).
- Văn bản phạt vi phạm (nếu có) (bản chính).

Điều 7. TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN

❖ Bên Bán:

- Sắp xếp lịch giao hàng và tổ chức giao nhận clinker theo đúng quy định.
- Trong mọi trường hợp, Bên Bán đảm bảo cung cấp cho Bên Mua lượng clinker với số lượng, chất lượng được quy định trong hợp đồng.
- Trường hợp có sự cố không xuất clinker được, Bên Bán thông báo cho Bên Mua trước 03 ngày bằng văn bản và sẽ không bị phạt hợp đồng trong trường hợp này.

- Trong trường hợp Bên Mua cần cử cán bộ có thẩm quyền đến đơn vị sản xuất của Bên Bán để kiểm tra chất lượng và phương thức giao clinker tại Bên Bán thì Bên Bán phải tạo điều kiện để cán bộ có thẩm quyền của Bên Mua thực hiện việc kiểm tra này.

- Có trách nhiệm cung cấp các chứng từ cần thiết và đảm bảo tính chất pháp lý của clinker cung cấp cho Bên Mua. Chịu mọi trách nhiệm giải quyết tất cả các vấn đề phát sinh nếu có liên quan đến tính chất pháp lý của số lượng clinker cung cấp cho Bên Mua.

- Cùng Bên Mua giải quyết những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Bên Bán giao hàng vi phạm nghĩa vụ về chất lượng, số lượng, đơn phương chấm dứt hợp đồng trái với quy định trong hợp đồng này và/hoặc vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào khác, Bên Bán phải nộp một khoản phạt vi phạm với mức không quá 8% giá trị đơn hàng bị vi phạm và bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh cho Bên Mua (nếu có).

- Chịu trách nhiệm giải quyết và chịu bồi thường cho mọi tổn thất đối với clinker, chi phí hoặc những khiếu nại có liên quan đến tai nạn, mất mát xảy ra đối với clinker cũng như đối với phương tiện của Bên Mua trong quá trình giao clinker cho Bên Mua tại bến xuất hàng của Bên Bán nếu lỗi thuộc về Bên Bán.

- Có trách nhiệm đảm bảo giữ bí mật tất cả thông tin, tài liệu của Bên Mua mà Bên Bán biết được trước, trong và sau khi thực hiện hợp đồng. Nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường cho Bên Mua.

❖ **Bên Mua:**

- Thông báo bằng văn bản hoặc email/fax cho Bên Bán số lượng dự kiến nhận của từng tháng.

- Thanh toán cho Bên Bán theo như quy định hợp đồng.

- Cùng Bên Bán giải quyết những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Phối hợp với Bên Bán hoàn thiện các chứng từ cần thiết để hoàn thiện hồ sơ thanh toán.

- Chịu trách nhiệm giải quyết và chịu bồi thường cho mọi tổn thất đối với clinker, chi phí hoặc những khiếu nại có liên quan đến tai nạn, mất mát xảy ra đối với clinker cũng như đối với thiết bị giao hàng của Bên Bán trong quá trình nhận clinker tại bến cảng của Bên Bán nếu lỗi thuộc về Bên Mua.

Điều 8. BẤT KHẢ KHÁNG

- “Bất khả kháng” là một sự kiện ngoài khả năng kiểm soát của hai bên không liên quan đến sự sai phạm hoặc thiếu trách nhiệm của hai bên và không thể thấy trước được và ảnh hưởng trực tiếp, cản trở việc thực hiện nghĩa vụ theo hợp

đồng này của một bên và/hoặc hai bên. Những sự kiện đó có thể bao gồm, nhưng không hạn chế, chiến tranh hoặc bạo loạn, cháy, lụt, động đất, dịch bệnh, cấm vận vận tải.

- Trường hợp sự kiện bất khả kháng kéo dài ảnh hưởng đến hoạt động của Bên Bán thì Bên Bán được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không chịu trách nhiệm pháp lý phát sinh.

Điều 9. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng có thể chấm dứt trước thời hạn theo sự thỏa thuận bằng văn bản giữa hai bên nhưng phải thông báo cho bên còn lại biết trước 15 ngày bằng văn bản.

- Do việc thay đổi chính sách, quy định của Nhà nước Việt Nam làm cho một bên không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng.

- Một trong hai bên gặp phải sự kiện bất khả kháng mà khiến cho bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng đó không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng.

Điều 10. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện theo đúng các điều khoản của hợp đồng này. Nếu bên nào vi phạm thì phải bồi thường cho bên kia về các khoản thiệt hại trực tiếp và gián tiếp (bao gồm nhưng không giới hạn, thiệt hại về gián đoạn kinh doanh, suy giảm về độ tin nhiệm với khách hàng và các thiệt hại tương tự), mất mát, hư hại, tổn hại, phí và chi phí (bao gồm phí và chi phí tư vấn pháp lý và chuyên môn khác, và các chi phí khác) mà bên kia phải chịu hoặc phải thanh toán. Tuy nhiên tổng giá trị bồi thường không vượt quá 8% tổng giá trị lô hàng.

- Hai bên cam kết thực hiện đúng như quy định của Hợp đồng. Nếu có các vấn đề bất lợi phát sinh, hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và chủ động giải quyết trên cơ sở thương lượng, đảm bảo hai bên cùng có lợi. Nếu hai bên không thể giải quyết những vướng mắc thì sẽ được giải quyết bởi Tòa án Nhân dân có thẩm quyền nơi có trụ sở chính của Bên Mua và phán quyết của Tòa là quyết định cuối cùng ràng buộc cả hai bên. Án phí sẽ do bên có lỗi chịu.

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và xem như được thanh lý khi các bên thực hiện xong nghĩa vụ và trách nhiệm của mình.

- Hợp đồng được lập thành bốn (04) bản, Bên Bán giữ hai (02) bản, Bên Mua giữ hai (02) bản, có giá trị như nhau./.

**ĐẠI DIỆN BÊN BÁN
TỔNG GIÁM ĐỐC**

**ĐẠI DIỆN BÊN MUA
TỔNG GIÁM ĐỐC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC MUA BÁN HÀNG HÓA
Số:/-CCNGL

- Căn cứ Bộ luật Dân sự hiện hành và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Thương Mại hiện hành và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ vào quyền hạn, nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày tháng năm 2023, chúng tôi gồm có:

BÊN A (BÊN MUA):

Địa chỉ :

Điện thoại :

Mã số thuế :

Đại diện : Chức vụ:

Tài khoản :

Và

BÊN B (BÊN BÁN): CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM

Địa chỉ : 405 Song hành Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, Tp Thủ Đức, Tp Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 028 3740 4061

Mã số thuế : 0301975289

Đại diện : Chức vụ:

Tài khoản : 112.000.103.153 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Thủ Thiêm – TP.HCM.

Đã thoả thuận ký kết hợp đồng mua bán đá vôi với nội dung như sau:

Điều 1. NỘI DUNG

Bên B đồng ý bán, Bên A đồng ý mua đá vôi (gọi chung là hàng hóa) với các chi tiết như sau:

1.1 Hàng hóa và giá cả :

- Hàng hóa: Đá vôi đã qua xay nghiền.
- Nguồn gốc :.....

- Tổng khối lượng dự kiến:.....+/- 10%.
- (Khối lượng cụ thể sẽ được xác nhận thông qua từng đơn đặt hàng mỗi tháng).
- Đơn giá: đồng/tấn (bao gồm các loại thuế/ phí liên quan, chi phí vận chuyển để Bên B giao hàng đến chi nhánh Bên A theo quy định của hợp đồng).
- Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh. Trong trường hợp có sự thay đổi các yếu tố tác động đến đơn giá hợp đồng như giá đá vôi đầu nguồn, giá cước vận chuyển thì hai bên sẽ tiến hành thương lượng điều chỉnh giá và bổ sung bằng phụ lục hợp đồng.

1.2 Số lượng và thời gian thực hiện:

- Số lượng thực tế và thời gian giao hàng: theo từng đợt nhận hàng căn cứ vào đơn đặt hàng có thống nhất giữa hai bên.
- Thời gian thực hiện: Từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 31/12/2024.

1.3 Chỉ tiêu chất lượng:

Chất lượng đá vôi do Bên B cung cấp cho Bên A phải đáp ứng các chỉ tiêu kỹ thuật như sau:

Stt	Các chỉ tiêu	Mức yêu cầu	Phương pháp thử nghiệm
1	Hàm lượng CaO	$\geq 50 \%$	TCVN 9191:2012
2	Độ ẩm cho phép tiếp nhận		TCVN 7572-7:2006
	- Mùa khô (tháng 11; 12; 1; 2; 3; 4)	$\leq 3\%$	
	- Mùa mưa (các tháng còn lại)	$\leq 5\%$	
3	Độ ẩm quy đổi để thanh toán	0%	
4	Sốt sàng 25 mm	$\leq 10 \%$	TCVN 7572-2:2006
5	Hàm lượng tạp chất bụi và sét	$\leq 3 \%$	TCVN 6882:2016

Điều 2. ĐỊA ĐIỂM VÀ PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN, NGHIỆM THU

2.1 Địa điểm giao hàng (cảng dỡ hàng):

- Hàng được giao trên phương tiện sà lan của Bên B tại Cảng dỡ hàng – Cầu cảng Chi nhánh Bên A.

2.2 Phương thức giao nhận và nghiệm thu:

- ❖ *Quy định về giao nhận hàng hóa:*

- Trước ngày 25 hàng tháng, Bên A thông báo cho Bên B số lượng nhu cầu sử dụng đá vôi tại Chi nhánh Bên A .

- Bên Bán xác nhận đơn đặt hàng và tiến hành giao hàng cho chi nhánh của Bên A theo kế hoạch đã thống nhất và lập Biên bản giao nhận hàng hóa ký xác nhận với cấp có thẩm quyền của chi nhánh Bên A. Chi nhánh Bên A có trách nhiệm nhận số lượng và chất lượng hàng hóa mà Bên B đã giao cho Bên A.

- Vào ngày cuối của mỗi tháng Bên B và chi nhánh Bên A sẽ tiến hành lập Biên bản quyết toán số lượng và giá trị bao gồm:

- Số lượng, giá trị hàng hóa Bên B đã giao cho chi nhánh Bên A.
- Số lượng, giá trị hàng hóa thực tế chi nhánh Bên A đã xuất sử dụng.
- Số lượng, giá trị hàng hóa còn lại đã xuất hóa đơn và chưa sử dụng sẽ được chuyển sang sử dụng, thanh toán cho tháng tiếp theo.

- Khối lượng, giá trị thanh toán sẽ căn cứ vào khối lượng hàng hóa được đưa vào sử dụng theo Bảng quyết toán hàng tháng.

- Giá trị thanh toán bằng số lượng thực tế hàng hóa mà chi nhánh Bên Mua đã sử dụng nhân với đơn giá bán trừ đi các khoản giảm trừ (nếu có).

- Biên bản quyết toán số lượng và giá trị sẽ được thực hiện chậm nhất trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày cuối tháng.

- Căn cứ theo Biên bản quyết toán số lượng và giá trị hàng hóa: Theo số lượng Bên B giao cho chi nhánh Bên A, Bên B tiến hành xuất hóa đơn.

❖ Quy định lấy mẫu thử nghiệm:

- Chi nhánh Bên A sẽ tiến hành lấy mẫu hàng hóa để xác định các chỉ tiêu kỹ thuật theo qui định hợp đồng. Việc lấy mẫu theo qui trình lấy mẫu của Bên A và kiểm tra tại Phòng TN-KCS của Chi nhánh Bên A.

- Việc lấy mẫu được quy định như sau: Một lô hàng tương ứng một sà lan, lấy mẫu làm các chỉ tiêu chất lượng theo qui định hợp đồng.

- Khối lượng hàng hóa thực tế giao nhận và thanh toán được xác định qua số đo mớn nước sà lan (giao hàng trên phương tiện sà lan) do Bên B giao đến Cảng chi nhánh Bên A được Tổ đo đạc sà lan của Chi nhánh Bên A thực hiện hoặc đơn vị giám định độc lập thực hiện (chi phí do Bên B chịu).

- Trong vòng 30 ngày kể từ ngày có kết quả thử nghiệm chất lượng, nếu kết quả thử nghiệm chất lượng tại Chi nhánh của Bên A chưa được hai bên thống nhất thì sẽ lấy mẫu lưu gửi đến Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 Tp Hồ Chí Minh (gọi tắt là Trung tâm 3), hoặc cơ quan giám định độc lập Viacontrol/SGS để thử nghiệm và là căn cứ để thực hiện. Chi phí thử nghiệm do bên có lỗi chịu.

- Khối lượng hàng thanh toán được quy đổi về độ ẩm 0% theo công thức:

$$G_q = G_t \times \frac{100 - W^1}{100}$$

Trong đó:

- G_q : Khối lượng hàng thanh toán tương ứng độ ẩm 0%.
- G_t : Khối lượng hàng thực tế giao tại cảng dỡ hàng (món sà lan) (lấy theo kết quả của hội đồng đo đạc Chi nhánh Bên A).
- W^{1t} : Độ ẩm thực tế tại cảng dỡ hàng (lấy theo kết quả chất lượng của Chi nhánh Bên A hoặc Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 trong trường hợp thử nghiệm lại).

❖ **Yêu cầu nghiệm thu hàng hoá:**

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử nghiệm	Yêu cầu kỹ thuật	Giới hạn tiếp nhận và giảm trừ tiền hàng hóa bị vi phạm
1	Hàm lượng CaO	TCVN 9191:2012	$\geq 50\%$	<ul style="list-style-type: none"> • Trường hợp 1: Hàm lượng CaO $\geq 50\%$ nghiệm thu và đưa vào sử dụng. • Trường hợp 2: Hàm lượng CaO trong giới hạn $\geq 44\%$ và $< 50\%$: đồng ý tiếp nhận nhưng bên bán sẽ bị giảm trừ số tiền bằng (=) $(50\% - \text{hàm lượng CaO}) \times G_q \times$ Đơn giá quy định tại hợp đồng (chưa bao gồm thuế GTGT). • Trường hợp 3: Hàm lượng CaO $< 44\%$: <ul style="list-style-type: none"> - Bên mua được quyền không nhận hàng, Bên Bán chịu mọi chi phí trong việc thu hồi xử lý lô hàng hóa không đạt yêu cầu. - Trong trường hợp Bên mua đồng ý tiếp nhận thì Bên Bán ngoài phải trừ số tiền bằng (=) $G_q \times$ Đơn giá quy định tại hợp đồng (chưa bao gồm thuế GTGT) còn bị phạt tối đa không quá 8% trên giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm.
2	Độ ẩm	TCVN 7572-7:2006	$\leq 3\%$ (mùa khô) hoặc $\leq 5\%$ (mùa	<ul style="list-style-type: none"> ❖ Mùa khô (tháng 11; 12; 1; 2; 3; 4) • Trường hợp 1: Độ ẩm $\leq 3\%$: nghiệm thu và đưa vào sử dụng. • Trường hợp 2: $3\% < \text{Độ ẩm} \leq 5\%$ thì cho tiếp nhận nhưng thông báo NCC khắc phục nhưng không quá 02 lần liên tiếp, lần thứ

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử nghiệm	Yêu cầu kỹ thuật	Giới hạn tiếp nhận và giảm trừ tiền hàng hóa bị vi phạm
			mưa)	<p>03 kế tiếp thì Bên Bán phải bị trừ số tiền bằng (=) $G_q \times$ Đơn giá quy định tại hợp đồng (chưa bao gồm thuế GTGT) x 1%.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Trường hợp 3: Độ ẩm > 5%: <ul style="list-style-type: none"> - Bên mua được quyền không nhận hàng, Bên Bán chịu mọi chi phí trong việc thu hồi xử lý lô hàng hóa không đạt yêu cầu. - Trong trường hợp Bên Mua đồng ý tiếp nhận thì Bên Bán phải trừ số tiền bằng (=) $G_q \times$ Đơn giá quy định tại hợp đồng (chưa bao gồm thuế GTGT) x tối đa không quá 8%. <p>❖ Mùa mưa (tháng 5; 6; 7; 8; 9; 10)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Trường hợp 1: Độ ẩm $\leq 5\%$: nghiệm thu và đưa vào sử dụng. • Trường hợp 2: $5\% < \text{Độ ẩm} \leq 6\%$ thì cho tiếp nhận nhưng thông báo NCC khắc phục nhưng không quá 02 lần liên tiếp, lần thứ 03 kế tiếp thì Bên Bán phải bị trừ số tiền bằng (=) $G_q \times$ Đơn giá quy định tại hợp đồng (chưa bao gồm thuế GTGT) x 1%. • Trường hợp 3: Độ ẩm > 6%: <ul style="list-style-type: none"> - Bên Mua được quyền không nhận hàng, Bên Bán chịu mọi chi phí trong việc thu hồi xử lý lô hàng hóa không đạt yêu cầu. - Trong trường hợp Bên Mua đồng ý tiếp nhận thì Bên Bán phải trừ số tiền bằng (=) $G_q \times$ Đơn giá quy định tại hợp đồng (chưa bao gồm thuế GTGT) x tối đa không quá 8%
3	Lượng sót sàng 25 mm	TCVN 7572-2:2006	$\leq 10\%$	<ul style="list-style-type: none"> • Trường hợp 1: Lượng sót sàng 25mm $\leq 10\%$: nghiệm thu và đưa vào sử dụng. • Trường hợp 2: Lượng sót sàng 25mm > 10%: <ul style="list-style-type: none"> - Bên mua được quyền không nhận hàng, Bên Bán chịu mọi chi phí trong việc thu hồi xử lý lô hàng hóa không đạt yêu cầu.

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử nghiệm	Yêu cầu kỹ thuật	Giới hạn tiếp nhận và giảm trừ tiền hàng hóa bị vi phạm
				- Trong trường hợp Bên Mua đồng ý tiếp nhận thì Bên Bán phải trừ số tiền bằng $(=) G_q \times \text{Đơn giá quy định tại hợp đồng (chưa bao gồm thuế GTGT)} \times \text{tối đa không quá } 8\%$.
4	Hàm lượng tạp chất bụi và sét	TCVN 6882:2016	$\leq 3\%$	<ul style="list-style-type: none"> • Trường hợp 1: Hàm lượng tạp chất bụi và sét $\leq 3\%$: nghiệm thu và đưa vào sử dụng. • Trường hợp 2: Hàm lượng tạp chất bụi và sét $> 3\%$ và $\leq 4,5\%$: bên A đồng ý tiếp nhận và Bên Bán phải trừ số tiền bằng $(=) G_q \times \text{Đơn giá quy định tại hợp đồng (chưa bao gồm thuế GTGT)} \times 0,5\%$. • Trường hợp 3: Hàm lượng tạp chất bụi và sét $> 4,5\%$: <ul style="list-style-type: none"> - Bên Mua được quyền không nhận hàng, Bên Bán chịu mọi chi phí trong việc thu hồi xử lý lô hàng hóa không đạt yêu cầu. - Trong trường hợp Bên Mua đồng ý tiếp nhận thì Bên Bán phải trừ số tiền bằng $(=) G_q \times \text{Đơn giá quy định tại hợp đồng (chưa bao gồm thuế GTGT)} \times 2\%$.

- Trường hợp nếu kết quả thử nghiệm nằm trong khoảng cho phép tiếp nhận, Bên A tiếp nhận hàng, thực hiện thanh quyết toán điều chỉnh giảm trừ vi phạm theo quy định nêu trên (nếu có).

- Trong trường hợp kết quả thử nghiệm vượt mức cho phép theo quy định trên của hợp đồng thì Bên A có văn bản thông báo trả hàng; Bên B phải có trách nhiệm thực hiện việc nhận lại hàng trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A. Trong trường hợp, nếu Bên A đồng ý tiếp nhận thì Bên A có văn bản thông báo cho Bên B và thực hiện giảm trừ theo quy định nêu trên.

❖ **Yêu cầu về giao nhận hàng hóa:**

- Trước ngày 25 hàng tháng, Bên A thông báo cho Bên B số lượng nhu cầu sử dụng đá vôi tại chi nhánh Bên A.

- Bên B xác nhận đơn đặt hàng và tiến hành giao hàng cho chi nhánh của Bên A theo kế hoạch đã thống nhất và lập Biên bản giao nhận hàng hóa ký xác nhận với cấp có thẩm quyền của Chi nhánh Bên A. Chi nhánh Bên A có trách nhiệm nhận số lượng và chất lượng đá vôi mà Bên B đã giao cho Bên A.

- Vào ngày cuối của mỗi tháng Bên B và Chi nhánh Bên A sẽ tiến hành lập Biên bản quyết toán số lượng và giá trị bao gồm:

- Số lượng, giá trị đá vôi Bên B đã giao cho chi nhánh Bên A.
- Số lượng, giá trị đá vôi thực tế Chi nhánh Bên A đã xuất sử dụng.
- Số lượng đá vôi còn lại đã xuất hóa đơn và chưa sử dụng sẽ được chuyển sang sử dụng, thanh toán cho tháng tiếp theo.

- Khối lượng, giá trị thanh toán sẽ căn cứ vào khối lượng hàng hóa được đưa vào sử dụng theo Bảng quyết toán hàng tháng.

- Giá trị thanh toán bằng số lượng thực tế đá vôi mà Chi nhánh Bên A đã sử dụng nhân với đơn giá bán trừ đi các khoản giảm trừ (nếu có).

- Biên bản quyết toán số lượng và giá trị sẽ được thực hiện chậm nhất trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày cuối tháng.

- Căn cứ theo Biên bản quyết toán số lượng và giá trị hàng hóa: Theo số lượng Bên Bán giao cho Chi nhánh Bên A, Bên B tiến hành xuất hóa đơn.

Điều 3. THANH TOÁN

3.1 Thanh toán: Sau mỗi đợt quyết toán số lượng thực tế của hàng hóa đã sử dụng, Bên A thanh toán chuyển khoản 100% giá trị hàng hóa trong vòng 60 ngày sau khi Bên A khi nhận đủ các chứng từ thanh toán hợp lệ, cụ thể như sau:

- Văn bản đề nghị thanh toán của Bên B (bản chính).
- Hóa đơn GTGT của Bên B xuất cho:

Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên.

- Biên bản giao nhận hàng do Chi nhánh Bên A và Bên B ký đính kèm biên bản đo đạc sà lan (bản chính).

- Biên bản quyết toán tiến độ giao nhận, khối lượng và giá trị hàng hóa có chữ ký xác nhận của Chi nhánh Bên Mua và Bên Bán (trong đó có các chỉ tiêu để tiếp nhận, nghiệm thu và chỉ tiêu để phát; Khối lượng và giá trị kỳ trước đã xuất hóa đơn chưa thanh toán; khối lượng và giá trị đã xuất kỳ này; khối lượng thực tế đưa vào sử dụng trong tháng làm cơ sở thanh toán và giá trị thanh toán; khối lượng và giá trị còn lại đã xuất hóa đơn chưa đưa vào sử dụng còn tồn kho; khối lượng và giá trị vi phạm bị khấu trừ...) (bản chính).

- Đơn đặt hàng do Bên A phát hành có ký xác nhận của Bên B (bản sao hoặc fax).

- Phiếu kết quả thử nghiệm do Chi nhánh Bên A thực hiện (bản chính).

- Phiếu kết quả thử nghiệm của Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 Tp HCM (gọi tắt là Trung tâm 3), hoặc cơ quan giám định độc lập cho trường hợp thử nghiệm lại (nếu có).

- Biên bản nghiệm thu do Chi nhánh Bên A lập (bản chính).
- Phiếu nhập kho của Chi nhánh Bên A (bản chính).
- Văn bản phạt vi phạm (nếu có) (bản chính).

3.2 Bên A được tạm ngừng thanh toán khi:

- Bên B có hành vi lừa dối, không trung thực trong việc thực hiện hợp đồng hoặc cung cấp các thông tin liên quan đến hợp đồng này.
- Hàng hóa đang là đối tượng bị tranh chấp.
- Bên B đã giao hàng không phù hợp với hợp đồng.
- Trường hợp khác quy định tại hợp đồng này.

Điều 4. TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN

4.1 Bên A:

- Thông báo kế hoạch nhận hàng hàng tháng bằng văn bản cho Bên A, tiếp nhận và giải phóng phương tiện của của Bên B trong thời gian nhanh nhất.
- Thanh toán cho Bên B theo đúng quy định của hợp đồng.
- Khi phương tiện Bên B tới địa điểm giao hàng của chi nhánh Bên A, Chi nhánh Bên A phải nhanh chóng nghiệm thu chất lượng hàng hóa.
- Thời gian Bên A giải phóng hàng trên phương tiện Bên B không quá 01 (± 01) ngày kể từ ngày Bên A nghiệm thu xong chất lượng hàng hóa (trừ trường hợp bất khả kháng).
- Ngoài nghĩa vụ phải thanh toán tiền hàng cho Bên B theo đúng quy định của hợp đồng, sẽ không bị ràng buộc bởi bất cứ nghĩa vụ, trách nhiệm nào khác đối với Bên B không được quy định trong hợp đồng.
- Khi muốn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn phải thông báo bằng văn bản cho Bên B biết trước 20 ngày.

4.2 Bên B:

- Đảm bảo cung cấp đúng số lượng, chất lượng, thời gian giao nhận hàng hóa theo qui định tại Điều 1.
- Phương tiện giao hàng của Bên B phải đảm bảo có đầy đủ sổ đăng kiểm, sổ đo dung tích hợp lệ do cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền cấp, đảm bảo vận chuyển trong hạn mức tải trọng theo quy định của pháp luật và tuân thủ sự điều động và nội quy bên cảng của Bên A.
- Trong quá trình lưu đậu tại khu vực bến của Chi nhánh Bên A hoặc trong thời gian giao nhận hàng, phương tiện vận tải và nhân viên của Bên B gây ra sự cố (như chìm đắm, cháy nổ, ...) gây ô nhiễm môi trường, ách tắc tại khu vực này, Bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm trong việc giải quyết sự cố, nộp phạt và đền bù các thiệt hại do các sự cố này gây ra.

- Cam kết và có trách nhiệm bảo mật tất cả các thông tin, tài liệu của hai bên có liên quan đến hợp đồng này, trước, trong và sau khi thực hiện hợp đồng.
- Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp nguồn gốc hàng hóa và tất cả chi phí có liên quan (Giấy phép khai thác mỏ, nộp thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường cho cơ quan thuế địa phương ...). Khi Bên B vi phạm (nếu có) thì Bên B chịu trách nhiệm độc lập và Bên A không chịu trách nhiệm liên đới.
- Cam kết hàng hóa cung cấp cho Bên B có nguồn gốc hợp pháp, được khai thác từ các khu vực có giấy phép khai thác, có giấy phép bán hàng của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Khai báo và thanh toán các khoản phí, thuế có liên quan tới hàng hóa từ công đoạn khai thác, vận chuyển, bán hàng... cho tới khi giao hàng vào kho của Bên A, bao gồm nhưng không giới hạn thuế tài nguyên, thuế thu nhập doanh nghiệp...cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo các quy định của nhà nước.
- Bên B không được chuyển giao một phần hoặc toàn bộ hợp đồng này cho bên thứ ba mà không được sự chấp thuận của Bên A. Ngay cả khi việc chuyển giao một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc trong hợp đồng này được Bên A chấp thuận, Bên A vẫn được quyền yêu cầu Bên B chịu trách nhiệm pháp lý độc lập hoặc liên đới với bên thứ ba khi có vi phạm xảy ra.
- Trang bị đầy đủ, phương tiện, công cụ phù hợp theo yêu cầu nội dung công việc được Bên A thông báo. Phương tiện của Bên A đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật.
- Chịu trách nhiệm và bồi thường thiệt hại nếu gây thiệt hại cho Bên A hoặc bên thứ ba.
- Có trách nhiệm quản lý toàn bộ nhân viên của mình trong suốt quá trình làm việc, tuyệt đối không làm hư hỏng hoặc thất thoát bất cứ loại tài sản nào của Bên A/Bên thứ ba, nếu để xảy ra sự cố mất mát, thất thoát hay làm hư hỏng bất cứ loại tài sản nào của Bên A/Bên thứ ba mà lỗi được xác định thuộc trách nhiệm nhân viên của Bên B, Bên B sẽ đền bù mọi thiệt hại cho Bên A/Bên thứ ba mà lỗi được xác định thuộc trách nhiệm nhân viên của Bên B, Bên B sẽ đền bù mọi thiệt hại cho Bên A/Bên thứ ba và chịu các chế tài khác theo quy định tại hợp đồng này.
- Đảm bảo và chịu mọi trách nhiệm đáp ứng có đầy đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Điều 5. TRÁCH NHIỆM KHI VI PHẠM HỢP ĐỒNG VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

5.1 Nếu Bên B đơn phương chấm dứt hợp đồng, và/hoặc cung cấp không đủ số lượng, không đáp ứng chất lượng hay không đảm bảo thời gian và/hoặc vi phạm bất cứ nghĩa vụ nào theo quy định của hợp đồng này (trừ trường hợp bất khả kháng

và/hoặc do lỗi của Bên A) thì Bên B phải chịu phạt 8% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm và bồi thường mọi thiệt hại cho Bên A (nếu có).

5.2 Nếu Bên B không đáp ứng được yêu cầu của Bên A về mặt thời gian số lượng, chất lượng hàng hóa quá 02 lần (trừ trường hợp bất khả kháng), Bên A được quyền chấm dứt hợp đồng mà không chịu các trách nhiệm có liên quan.

Điều 6. ĐẢM BẢO THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

6.1 Trước khi hợp đồng có hiệu lực, Bên Bán phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng như sau:

- Hình thức thực hiện: Bằng hình thức Thư bảo lãnh thực hiện Hợp đồng của ngân hàng hợp pháp tại Việt Nam phát hành, là bảo lãnh không hủy ngang, vô điều kiện thanh toán và nội dung của bảo lãnh phải được Bên Mua chấp thuận trước khi phát hành.

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo lãnh thực hiện hợp đồng có giá trị **03%** giá hợp đồng.

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện Hợp đồng sẽ có hiệu lực kể từ ngày phát hành. Bảo đảm thực hiện Hợp đồng có hiệu lực bằng thời gian thực hiện hợp đồng cộng thêm 30 ngày kể từ ngày phát hành. Vào thời điểm 15 ngày trước khi bảo lãnh thực hiện hợp đồng hết hạn, nếu Bên Bán chưa hoàn tất công việc theo Hợp đồng thì Bên Bán phải có trách nhiệm nộp cho Bên Mua bản chính gia hạn Bảo đảm thực hiện Hợp đồng cho đến khi thực hiện hoàn tất các nghĩa vụ theo Hợp đồng.

- Thời gian nộp bảo đảm thực hiện Hợp đồng: Trong vòng tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày ký kết Hợp đồng.

6.2 Bên Bán không được hoàn trả bảo đảm thực hiện Hợp đồng trong trường hợp sau đây:

- a. Từ chối thực hiện Hợp đồng khi Hợp đồng có hiệu lực.
- b. Vi phạm thỏa thuận trong Hợp đồng.
- c. Thực hiện Hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện Hợp đồng.

Điều 7. ĐƠN PHƯƠNG CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

7.1 Ngoại trừ Hợp đồng này có quy định khác, một trong các Bên có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng này trước thời hạn trong các trường hợp sau đây:

a. Bên vi phạm Hợp đồng đã nhận được thông báo bằng văn bản từ Bên còn lại nhưng quá bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu dừng vi phạm hoặc khắc phục xong hậu quả của vi phạm hoặc trong thời hạn khác được nêu trong thông báo đó nhưng Bên vi phạm không chấm dứt và/hoặc chưa khắc phục xong vi phạm.

b. Bên vi phạm không thực hiện nghĩa vụ do sự kiện bất khả kháng gây ra thì Bên kia có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng nhưng phải báo trước bằng văn bản cho Bên vi phạm biết.

c. Các trường hợp khác được quy định tại Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật.

7.2 Bên đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng phải thông báo cho Bên kia biết về việc chấm dứt Hợp đồng, nếu không thông báo mà gây thiệt hại thì phải bồi thường.

7.3 Trong mọi trường hợp, bên vi phạm dẫn đến một bên phải chấm dứt Hợp đồng phải chịu các chế tài theo quy định tại Hợp đồng này.

Điều 8. THÔNG BÁO

8.1 Mọi thông báo hay liên lạc được thực hiện theo Hợp đồng này của một Bên gửi Bên còn lại phải được lập bằng văn bản và được gửi bằng thư bảo đảm phát nhanh hay email/fax (kèm theo bản gốc gửi bằng thư bảo đảm).

8.2 Mọi thông báo hay liên lạc theo Hợp đồng này được coi là đã nhận được trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau ngày đóng dấu bưu điện trong trường hợp gửi bằng thư bảo đảm hàng không, ba (03) ngày làm việc sau khi gửi thư chuyển phát nhanh và ngay lập tức nếu chuyển bằng fax hoặc xác định theo thời gian thực nhận, tùy trường hợp nào đến trước.

8.3 Mọi thông báo hay trao đổi thông tin theo Hợp đồng này phải được gửi cho các Bên theo địa chỉ phù hợp nêu tại phần giới thiệu các Bên của Hợp đồng này hoặc theo thông báo hợp lệ điều chỉnh gần nhất của Bên nhận thông tin.

Điều 9. BẤT KHẢ KHÁNG

Nội dung bất khả kháng nêu trong Hợp đồng này được hiểu là bất cứ nguyên nhân nào ngoài tầm kiểm soát và không có lỗi hoặc sự cầu thả của bên có liên quan và với sự cố gắng của Bên đó cũng không thể ngăn chặn hoặc khắc phục hoặc dự kiến trước được, nhưng không giới hạn: thiên tai, dịch họa, nổi dậy, đình công, tranh chấp về lao động, lở đất, hỏa hoạn, động đất, bão lụt, sóng thần, điều kiện sông ngòi, cấm vận. Trường hợp sự kiện bất khả kháng kéo dài gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Bên Mua, Bên Mua được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng.

Điều 10. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

10.1 Hai Bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều, khoản đã ghi trong hợp đồng này. Không Bên nào được đơn phương sửa đổi các điều, khoản đã ghi trong Hợp đồng. Trường hợp cần thay đổi, bổ sung thì phải được thống nhất giữa hai bên bằng phụ lục Hợp đồng.

10.2 Hai Bên chủ động thông báo cho nhau tiến độ thực hiện Hợp đồng, trường hợp trong quá trình thực hiện Hợp đồng nếu gặp khó khăn do sự biến động nhiều về giá cả hàng hóa theo thị trường hay có điều gì vướng mắc Hai Bên phải

tích cực bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác để cùng nhau thông nhất tiếp tục thực hiện. Nếu Hai Bên không tự thỏa thuận được thì sẽ đưa ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền nơi có địa chỉ trụ sở chính của bên Mua để giải quyết. Phán quyết của Tòa án sẽ là cuối cùng và hai bên có nghĩa vụ bắt buộc phải tuân theo. Án phí do Bên thua kiện chịu.

10.3 Không bên nào được phép chuyển nhượng hợp đồng này hoặc các quyền và nghĩa vụ bất kỳ theo Hợp đồng cho Bên thứ ba mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của bên kia.

10.4 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và xem như được thanh lý khi các bên đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ của mình.

10.5 Hợp đồng được lập thành ba (03) bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên Bán giữ một (01) bản và Bên Mua giữ hai (02) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẠI DIỆN BÊN A

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN XI MĂNG

Số:.... /2024/HĐMBXM

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên.

Tp HCM, ngày....tháng.....năm....., tại văn phòng,
hai Bên gồm:

❖ **Bên bán: (Sau đây gọi tắt là Bên A):**

CÔNG TY.....

Địa chỉ :

VPGD :

Hotline :

Mã số thuế :

Tài khoản :

Đại diện : - Chức vụ:

❖ **Bên mua: (Sau đây gọi tắt là Bên B)**

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM

Địa chỉ : Số 405 Song hành Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại : 028 3740 4061 – Fax: 028 3740 4062

Mã số thuế : 0301975289

Tài khoản : 0071000809348 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh.

Đại diện :Chức vụ:

Hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng với các điều khoản sau:

Điều 1. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bằng hợp đồng này, Bên A công nhận Bên B là nhà phân phối các sản phẩm xi măng do Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long sản xuất và Bên B đồng ý nhận tiêu thụ các sản phẩm của Bên A.

Điều 2. SẢN PHẨM - TIÊU CHUẨN

2.1 Tên sản phẩm:

2.2 Quy cách:

- Xi măng Poóc lăng hỗn hợp PCB50 dạng rời (xá) công nghiệp, khối lượng thực sẽ được xác định qua bàn cân tại điểm xuất hàng của Bên A (in trên phiếu cân) có niêm chì trên mỗi xe.

- Xi măng Poóc lăng hỗn hợp PCB50 dạng rời (xá) công nghiệp đóng bao Jumbo 1.500 ± 15kg/bao, khối lượng thực sẽ được xác định qua bàn cân tại điểm xuất hàng của Bên A (in trên phiếu cân) trên mỗi bao có niêm chì hai đầu. Trường hợp xuất theo đường thủy thì khối lượng giao nhận bằng tổng khối lượng của các bao Jumbo.

- Xi măng Poóc lăng hỗn hợp PCB40 đóng bao, khối lượng 50kg ± 0,5kg/bao.

- Xi măng Poóc lăng hỗn hợp PCB40 Xây tô đóng bao, khối lượng 40kg ± 0,4kg/bao.

- Xi măng Poóc lăng hỗn hợp PCB40 đóng bao Jumbo 1.500 ± 15kg/bao, khối lượng thực sẽ được xác định qua bàn cân tại điểm xuất hàng của Bên A (in trên phiếu cân) trên mỗi bao có niêm chì hai đầu. Trường hợp xuất theo đường thủy thì khối lượng giao nhận bằng tổng khối lượng của các bao Jumbo.

2.3 Chất lượng sản phẩm:

- Sản phẩm đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của TCVN 6260:2020. Được chứng nhận và công bố hợp quy theo QCVN16:2019/BXD về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng.

- Bên A cam kết giao xi măng đúng tiêu chuẩn, đủ trọng lượng và cung cấp các bảng kết quả thí nghiệm chất lượng xi măng cho Bên B khi có yêu cầu.

Điều 3. SẢN LƯỢNG VÀ THỊ TRƯỜNG TIÊU THỤ

3.1 Sản lượng và thị trường tiêu thụ sẽ được hai Bên thống nhất theo Điều 02 của phụ lục Hợp đồng.

3.2 Trong trường hợp nguồn cung cấp bị hạn chế bởi các yếu tố khách quan mà Bên A đã thực hiện các biện pháp khắc phục nhưng vẫn không đủ hàng cung cấp thì hai bên thống nhất sẽ điều chỉnh số lượng này.

3.3 Với các chính sách bán hàng cơ bản quy định trong phụ lục Hợp đồng cho từng thị trường, Bên B cam kết đạt sản lượng tiêu thụ theo kế hoạch đã đăng ký trong phụ lục Hợp đồng.

3.4 Bên B phải đưa hàng về đúng thị trường đã đăng ký trong phụ lục hợp đồng. Trường hợp Bên B đưa hàng sai thị trường đã đăng ký, khi Bên A phát hiện thì phải chịu trách nhiệm trước Bên A và pháp luật về việc bán sai thị trường. Bên A sẽ có hình thức xử phạt cụ thể đối với từng trường hợp vi phạm.

Điều 4. GIÁ CẢ

4.1 Giá bán được quy định cụ thể tại Điều 1 của Phụ lục Hợp đồng.

4.2 Bên A được quyền thay đổi giá bán nhưng phải thông báo bằng văn bản cho Bên B năm (05) ngày trước ngày giá bán mới có hiệu lực. Văn bản thông báo thay đổi giá bán phát hành bởi Bên A được xem như là một phần không thể tách rời với hợp đồng này.

4.3 Các thông báo (về giá bán, chiết khấu thương mại, khuyến mại và các thông báo khác) được Bên A ký chính thức gửi cho Bên B được xem là một phần không thể tách rời với hợp đồng này.

Điều 5. ĐẶT HÀNG VÀ GIAO NHẬN

5.1 Bên B cung cấp bằng văn bản cho Bên A thông tin về họ tên, số điện thoại, email, chức vụ người được Bên B uỷ quyền nhận thông tin về tài khoản (*tên đăng nhập, mật khẩu*) dùng để đặt hàng trên hệ thống của Bên A tại địa chỉ <http://dathang.vicemhalong.vn:88>. Để đảm bảo an toàn, trong lần đăng nhập đầu tiên, Bên B phải thay đổi mật khẩu.

5.2 Bên B điền đầy đủ các thông tin về số lượng yêu cầu, chủng loại sản phẩm, số đăng ký phương tiện vận chuyển, tên tài xế/thuyền trưởng, địa điểm nhận hàng... Sau khi Bên B hoàn tất việc đặt hàng thì hệ thống của Bên A sẽ cung cấp cho Bên B một mã số nhận hàng cho mỗi phương tiện.

5.3 Bên B có trách nhiệm bảo mật tất cả thông tin tài khoản được cung cấp. Mã số nhận hàng của Bên B trên hệ thống của Bên A là bằng chứng để xác nhận việc đặt hàng của Bên B.

5.4 “Phiếu giao nhận kiêm xuất kho” được phát hành tại địa điểm giao hàng của Bên A, có chữ ký của tài xế/thuyền trưởng do Bên B cử đến theo mã số đặt hàng (Khoản 5.1) là căn cứ xác nhận việc giao hàng đã hoàn thành.

5.5 Bên A sẽ phát hành “Hóa đơn GTGT” (Bản thể hiện của hóa đơn điện tử) và Bên A cung cấp tài khoản, mật khẩu, đường link tra cứu hóa đơn cho Bên B là căn cứ để xác nhận là Bên B đã nhận Hóa đơn GTGT của Bên A.

5.6 Bên A có quyền không cung cấp mã số nhận hàng cho Bên B trong trường hợp Bên B vượt hạn mức dư nợ (nếu có) hoặc vi phạm điều khoản thanh toán theo Điều 3 của phụ lục hợp đồng.

Điều 6. THANH TOÁN

Các điều khoản thanh toán được quy định trong phụ lục Hợp đồng.

Điều 7. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG TRƯỚC THỜI HẠN

Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn nếu Bên B vi phạm các nội dung sau:

7.1 Trong vòng 02 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng mà Bên B chưa nhận đơn hàng nào.

7.2 Trong trường hợp chấm dứt Hợp đồng vì bất cứ lý do gì, Bên B phải thanh toán mọi khoản tiền hay khoản nợ phải trả (nếu có) cho Bên A trong vòng 07 ngày kể từ ngày chấm dứt Hợp đồng.

Điều 8. TRANH CHẤP VÀ PHÂN XỬ

8.1 Mọi tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng sẽ được giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải.

8.2 Nếu tranh chấp không thể giải quyết bằng thương lượng và hòa giải thì vụ việc sẽ do tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 9. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

9.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ 0h00 ngày **01/01/2024** đến **24h00 ngày 31/12/2024**. Sau 24h00 ngày 31/12/2024, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện việc thanh toán các khoản nợ phải trả cho Bên A theo Điều 3 của phụ lục Hợp đồng này và các nghĩa vụ liên quan khác cho đến khi hoàn thành.

9.2 Bảy (07) ngày sau khi hai bên hoàn thành tất cả các nghĩa vụ liên quan, Hợp đồng này đương nhiên được thanh lý nếu không bên nào có ý kiến khác bằng văn bản.

9.3 Ngoài các điều khoản đã quy định, quyền và nghĩa vụ khác của các bên trong Hợp đồng này tuân thủ theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

9.4 Hợp đồng này gồm có bốn (04) trang, được lập thành ba (03) bản, Bên A giữ hai (02) bản, Bên B giữ một (01) bản và có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ VẬN CHUYỂN BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

V/v vận chuyển hàng hóa bằng đường biển từ ...

đến

Số:...../24-DVVC

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;
- Căn cứ vào quyền hạn, nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, tại Công ty

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ (“*Hợp đồng*”) này được ký kết vào ngày tháng..... năm.....

Giữa

BÊN THUÊ DỊCH VỤ:

Địa chỉ :

Điện thoại :..... Fax:

Mã số thuế :

Đại diện :..... Chức vụ:.....

Tài khoản :.....

(*Sau đây được gọi là “Bên A”*)

Và

**BÊN THỰC HIỆN DỊCH VỤ: CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS
VICEM**

Địa chỉ : 405 Song hành Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, Tp Thủ Đức, Tp Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028 3740 4061

Fax: 028 3740 4062.

Mã số thuế: 0301975289.

Đại diện: Ông **Đỗ Văn Huân**

Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Tài khoản: 112.000.103.153 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm - Tp HCM.

(*Sau đây được gọi là “Bên B”*)

Bên A và Bên B được gọi riêng là “*Bên*” và được gọi chung là “*các Bên*”.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng dịch vụ với các điều khoản cụ thể như sau:

Điều 1. NỘI DUNG CÔNG VIỆC

1.1 Bên B nhận vận chuyển, bảo quản, giao nhận hàng hóa cho bên A từ đến.....

1.2 **Khối lượng:** Khối lượng vận chuyển thực tế theo yêu cầu bằng văn bản/email hoặc đơn đặt hàng của bên A.

1.3 **Hàng hóa vận chuyển:**

1.4 **Chất lượng hàng hóa:**

1.5 **Thời gian thực hiện:** Từ ngày/....../2024 đến hết ngày **31/12/2024**.

1.6(các điều khoản khác theo thỏa thuận, điều kiện hợp tác giữa 2 bên).

Điều 2. PHƯƠNG THỨC VẬN CHUYỂN, GIAO NHẬN

2.1. Địa điểm và phương thức giao nhận:

- Bên B nhận hàng tại mạn tàu biển thuộc cảng (gọi là Cảng xếp hàng) và giao hàng tại mạn tàu biển thuộc cảng với khối lượng, độ ẩm được xác định căn cứ vào Chứng thư giám định khối lượng và độ ẩm do đơn vị giám định độc lập thực hiện theo yêu cầu của bên A.

- Ngay sau khi nhận hàng (đã hoàn tất công tác giám định, nếu tàu bắt buộc giám định), bên B phải vận chuyển hàng đến Cảng dỡ hàng trong thời gian (trừ trường hợp bất khả kháng) sau khi nhận hàng tại Cảng xếp hàng.

- Khối lượng giao nhận và thanh toán theo thực tế xác nhận qua đo đạc tàu tại Cảng dỡ hàng được quy về độ ẩm của hàng hóa tại Cảng xếp hàng nhưng không vượt quá khối lượng đo đạc tại Cảng xếp hàng. Công thức qui ẩm như sau:

$$G_q = G_t \times \frac{100 - W^{tp}_t}{100 - W^{tp}_q}$$

Trong đó:

- G_q : Khối lượng hàng hóa giao nhận và thanh toán.
- G_t : Khối lượng hàng hóa qua đo đạc tàu biển tại Cảng dỡ hàng.
- W^{tp}_t : Độ ẩm thực tế hàng hóa tại Cảng dỡ hàng theo giám định của cơ quan giám định độc lập.
- W^{tp}_q : Độ ẩm thực tế hàng hóa tại Cảng xếp hàng theo giám định của cơ quan giám định độc lập.

- Riêng loại hàng hóa ... (không tính độ ẩm): Nếu Bên A không thực hiện việc xác định độ ẩm hàng hóa khi bên B nhận hàng tại Cảng xếp hàng thì khối lượng hàng hóa giao nhận và thanh toán theo thực tế xác nhận qua đo đạc tàu tại Cảng dỡ hàng nhưng không vượt quá khối lượng giám định tại Cảng xếp hàng và không tính tới vấn đề độ ẩm hàng hóa.

- Trong trường hợp, bên A không thực hiện việc giám định khối lượng, niêm phong, kẹp chì các hầm hàng của tàu biển khi bên B nhận hàng là loại hàng hóa (không tính độ ẩm) tại Cảng xếp hàng thì khối lượng hàng hóa giao nhận và thanh toán theo thực tế xác nhận qua đo đạc tàu do đơn vị giám định độc lập thực hiện tại Cảng dỡ hàng nhưng không vượt quá khối lượng trên Biên bản giao nhận hàng hóa tại cảng Cát xếp hàng được ký bởi đại diện bên giao hàng và đại diện tàu.

- Tỷ lệ hao hụt cho phép cho toàn bộ quá trình thực hiện hợp đồng là:%. Trường hợp hàng hóa bị thiếu hụt so với khối lượng nhận tại Cảng xếp hàng, bên B phải có trách nhiệm bồi thường cho bên A toàn bộ khối lượng hàng thiếu hụt này theo giá do bên A thông báo.

- Trường hợp chất lượng hàng hóa bị ụt do thiếu bảo quản trong quá trình vận chuyển so với lúc nhận hàng tại Cảng xếp hàng làm giảm sút chất lượng, bên B phải bồi thường cho bên A tiền hàng bị hư hỏng. Tỷ lệ % suy giảm chất lượng tương ứng với tỷ lệ % giá hàng hóa theo công thức:

Số tiền bồi thường = số % suy giảm chất lượng x giá trị hàng hóa x số tấn suy giảm chất lượng.

Tỷ lệ % suy giảm chất lượng sẽ do (đơn vị phòng thí nghiệm bên A) xác định.

-(các điều khoản khác theo thỏa thuận, điều kiện hợp tác giữa 2 bên).

2.2 Phương tiện vận chuyển:

Đối với phương tiện vận chuyển bằng tàu biển:

- Tàu phải có kết cấu phù hợp với cảng xếp và dỡ hàng.
- Bên B đảm bảo tất cả các tàu phải được trang bị đầy đủ các trang thiết bị, luôn trong tình trạng vận hành bình thường, đủ khả năng đi biển, các hầm hàng phải khô ráo, có đầy đủ nắp hầm hàng, bạt che phủ chống ẩm ướt hàng hoá trong quá trình vận chuyển và phải có đầy đủ hồ sơ tàu hợp lệ do cơ quan đăng kiểm cấp theo quy định của hiện hành của Nhà nước.

- Tàu có tuổi thọ không quá 25 năm và tham gia bảo hiểm P&I.

- Đặc tính kỹ thuật và hồ sơ của tàu phải được bên B cung cấp cho Bên A xem xét trước khi chính thức bố trí.

- Đảm bảo lượng tàu vận chuyển cho khối lượng hàng vận chuyển hàng tháng theo văn bản được hai bên xác nhận với biên độ (+/-10%).

-(các điều khoản khác theo thỏa thuận, điều kiện hợp tác giữa 2 bên).

2.3. Tiến độ giao nhận hàng:

- Thời gian nhận hàng tại Cảng xếp hàng sẽ được bên A thông báo trước cho bên B bằng văn bản tối thiểu là 03 ngày tính từ ngày nhận hàng.

- Bên A đảm bảo bố trí đủ phương tiện và hàng hóa để xếp lên tàu trong thời gian sớm nhất.

- Bên B phải thông báo trước cho bên A tối thiểu là 02 ngày về thời gian tàu biển cập Cảng dỡ hàng và phải có xác báo thời gian giao hàng trước 01 ngày cho bên A bằng văn bản.

- Bên A đảm bảo bố trí đủ phương tiện dỡ hàng tại Cảng dỡ hàng để giải phóng tàu cho bên B trong thời gian sớm nhất.

- Thời gian làm hàng: được tính từ khi tàu neo đậu an toàn tại Cảng xếp hàng hoặc Cảng dỡ hàng đến hoàn tất việc xếp hoặc dỡ hết hàng trên tàu. Thời gian không xếp/dỡ được hàng vì lý do tàu không đảm bảo điều kiện xếp/dỡ hàng (có Biên bản của đại diện bên giao hàng và thuyền trưởng) sẽ không tính vào thời gian làm hàng.

- Năng suất xếp:

- Năng suất dỡ:

- Năng suất xếp dỡ nêu trên tính cả thời gian san tấp, đánh tấp hầm hàng, dịch chuyển tàu trừ điều kiện bất khả kháng theo quy định tại Hợp đồng này hoặc sự cố thiết bị của Bên A.

- Các hoạt động xếp dỡ hàng tại hai đầu giao nhận được thực hiện 24/24 giờ hàng ngày kể cả ngày lễ và chủ nhật.

-(các điều khoản khác theo thỏa thuận, điều kiện hợp tác giữa 2 bên).

Điều 3. GIÁ CẢ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

3.1. Giá cả:

STT	Nội dung công việc	Đvt	Khối lượng	Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (VNĐ/tấn)
1	...			
2	...			

- Đơn giá cước vận chuyển là trọn gói bao gồm tất cả các chi phí có liên quan nhưng không bao gồm phí bảo hiểm; phí giám định; phí bốc xếp, dỡ hàng tại hai đầu cảng xếp/dỡ hàng và chưa bao gồm thuế GTGT.

- Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh.
- Đơn giá trên được xác lập theo mức giá dầu DO 0.05%S Vùng 1 được Petrolimex công bố ngày .../.../..... làđồng/lít (có thuế GTGT).
- *Tỷ lệ thống nhất chi phí dầu DO 0.05S chiếm 30% trong đơn giá vận chuyển. Trong trường hợp giá dầu DO 0.05%S vùng 1 do Petrolimex công bố tăng hoặc giảm vượt quá ± 10% so với thời điểm thỏa thuận giá gần nhất thì hai bên sẽ xác định lại chi phí nhiên liệu để làm cơ sở điều chỉnh đơn giá thực hiện nêu trên theo công thức sau:*

$$DG_{\text{mới}} = DG_{\text{cũ}} \times ((100\% - a) + a \times \frac{DG(\text{DO})_{\text{mới}}}{DG(\text{DO})_{\text{cũ}}})$$

Trong đó:

- a : phần trăm dầu trên đơn giá (%).
- $DG_{\text{mới}}$: Đơn giá mới áp dụng ngay sau ngày giá Diesel biến động.
- $DG_{\text{cũ}}$: Đơn giá đang thực hiện.
- $DG(\text{DO})_{\text{mới}}$: Đơn giá dầu DO 0,05%S mới.
- $DG(\text{DO})_{\text{cũ}}$: Đơn giá dầu DO 0,05%S cũ.
-(các điều khoản khác theo thỏa thuận, điều kiện hợp tác giữa 2 bên).

3.2. Phương thức thanh toán:

- Thanh toán bằng hình thức chuyển khoản (và bù trừ công nợ nếu có).
- Việc thanh toán sẽ được thực hiện trong vòng ... ngày sau khi bên A nhận đủ các chứng từ thanh toán hợp lệ bao gồm:
 - a. Phiếu vận chuyển (bản chính).
 - b. Hóa đơn GTGT của bên B.
 - c. Phiếu chất lượng hai đầu.
 - d. Biên bản nghiệm thu (khối lượng vận chuyển giữa Bên A và Bên B).
 - e. Giấy đề nghị thanh toán.
 - f. ... (các biên bản khác theo yêu cầu của bên A).

Điều 4. TRÁCH NHIỆM MỖI BÊN

4.1 Trách nhiệm bên A:

- a. Bên A có trách nhiệm yêu cầu đơn vị vận chuyển sà lan chuẩn bị đầy đủ phương tiện giao hàng cho bên B theo số lượng, tiến độ đã thỏa thuận.

b. Thông báo cho bên B tiến độ giao hàng để bên B bố trí phương tiện sẵn sàng nhận hàng theo đúng tiến độ.

c. Yêu cầu giám định chất lượng hàng hóa nếu thấy cần thiết. Liên hệ, mời cơ quan giám định độc lập có thẩm quyền và chịu chi phí giám định khối lượng, độ ẩm hàng hóa cho toàn bộ công việc giao nhận hàng hóa tại cảng xếp và cảng dỡ hàng. Trừ trường hợp kết quả giám định tại cảng dỡ hàng xác định chất lượng, khối lượng hàng hóa giảm sút và nguyên nhân do lỗi của bên B, trong trường hợp này bên B sẽ chịu toàn bộ chi phí giám định do bên A bỏ ra.

d. Được quyền yêu cầu Bên B thay đổi nhân viên khi có cơ sở cho rằng nhân viên Bên B không đáp ứng các yêu cầu về trình độ, năng lực,...theo yêu cầu của Bên A và/hoặc nhân viên Bên B vi phạm bất cứ quy định nào của Bên A trong quá trình thực hiện hợp đồng. Bên B có trách nhiệm thay đổi và nhân viên đó không được thực hiện bất cứ công việc nào khác quy định tại hợp đồng này. Trong thời gian 24h kể từ thời điểm nhận được yêu cầu của Bên A. Nhân viên thay đổi của Bên B phải được sự chấp nhận của Bên A. Tiến độ, chất lượng công việc ảnh hưởng do thiếu nhân lực trong trường hợp này, được xác định do lỗi của bên B, bên B có trách nhiệm bồi thường các thiệt hại phát sinh cho bên A và nộp phạt vi phạm hợp đồng.

e. Đảm bảo các thủ tục pháp lý cho hàng hoá để vận chuyển.

f. Đảm bảo hàng hoá đúng quy cách, đúng chủng loại.

g. Mua bảo hiểm hàng hóa (nếu có).

h.

4.2 Trách nhiệm bên B:

a. Chuẩn bị phương tiện tiếp nhận, vận chuyển và giao hàng đúng tiến độ theo quy định của Hợp đồng.

b. Phương tiện phải có đầy đủ giấy tờ hợp lệ, hợp pháp trong quá trình thực hiện hợp đồng theo quy định của pháp luật.

c. Phương tiện phải có thông số kỹ thuật rõ ràng phục vụ cho việc giám định hàng hóa.

d. Tàu vận chuyển của bên B phải đảm bảo đủ điều kiện bốc/dỡ hàng an toàn.

e. Chịu trách nhiệm cung cấp và quản lý toàn bộ thuyền viên (thuyền bộ) theo quy định của pháp luật.

f. Chịu mọi trách nhiệm đảm bảo về khối lượng, chất lượng, giá trị hàng hóa kể từ khi nhận hàng tại Cảng xếp hàng đến khi hoàn thành việc giao hàng cho bên A tại Cảng dỡ hàng. Nếu mất hàng, thiếu hàng hoặc suy giảm chất lượng của hàng hóa thì bên B phải bồi thường toàn bộ cho bên A theo giá do bên A thông báo, bên A không có trách nhiệm thanh toán tiền cước vận chuyển cho khối lượng hàng mất mát, hư hỏng, suy giảm chất lượng và bên A sẽ trừ tiền bồi thường với lượng hàng

bị mất mát, hư hỏng vào tiền cước vận chuyển của bên B. Nếu tiền cước vận chuyển không đủ giá trị để trừ tiền bồi thường thì bên B phải chuyển đủ số tiền phải bồi thường cho bên A trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu bồi thường của bên A.

g. Bồi thường mọi thiệt hại xảy ra cho bên A trong trường hợp bên B không thu xếp đủ phương tiện tới nhận hàng hoặc giao hàng không đúng thời gian đã thỏa thuận.

h. Phối hợp với đơn vị tàu biển để niêm phong tất cả các hầm hàng sau khi bốc hàng lên tàu tại Cảng xếp hàng.

i. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nhân viên, phương tiện, người điều khiển phương tiện của bên B phải tuân thủ các điều động và sắp xếp khi giao nhận hàng tại các cảng, bến giao nhận. Giữ vệ sinh, trật tự, tự bảo quản vật tư tài sản, phương tiện của mình, đảm bảo an toàn về phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường, an ninh trật tự, an toàn lao động và các quy định nội bộ khác của Bên A. Nếu gây ra tai nạn cho người hoặc phương tiện hoặc gây thiệt hại cho bên A thì bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm và bồi thường thiệt hại cho bên A.

j. Bên B tự bảo quản phương tiện vận chuyển, bên A không chịu trách nhiệm đối với thiệt hại phát sinh cho thuyền viên, phương tiện vận chuyển, tài sản của bên B trong quá trình thực hiện Hợp đồng này.

k. Bên B bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh cho bên A trong quá trình thực hiện Hợp đồng này do lỗi của bên B.

l. Có trách nhiệm đảm bảo giữ bí mật tất cả thông tin, tài liệu của bên A mà bên B biết được trước, trong và sau khi thực hiện hợp đồng. Nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường cho bên A.

m. Bên B không chuyển giao một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc này cho bên thứ 3 nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của bên A. Ngay cả khi việc chuyển giao một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc trong hợp đồng này được bên A chấp thuận, bên A vẫn được quyền yêu cầu bên B chịu trách nhiệm pháp lý độc lập hoặc liên đới đối với bên thứ ba khi có vi phạm xảy ra.

n. Bên B phải mua các loại bảo hiểm cần thiết để bảo đảm cho hoạt động của mình theo qui định của pháp luật. Bên B có nghĩa vụ mua bảo hiểm đầy đủ như bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba... Thời gian mua bảo hiểm từ khi thực hiện đến ngày hoàn thành công việc. Bên B chịu trách nhiệm về chi phí thanh toán cho việc bảo hiểm này.

o. Trường hợp, nếu có căn cứ cho rằng phương tiện vận chuyển của bên B không đáp ứng các yêu cầu theo quy định trong hợp đồng này, bên A được quyền yêu cầu bên B thay thế bằng phương tiện khác. Thời gian thay thế phương tiện vận chuyển không được tính vào thời gian thực hiện hợp đồng; Bên B có trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh nếu có và chịu phạt vi phạm hợp đồng.

p. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, thường xuyên báo cáo việc tình hình thực hiện nếu có yêu cầu của bên A. Trường hợp có sự kiện bất thường, nằm ngoài tầm kiểm soát xảy ra, bên B có trách nhiệm thông báo ngay cho bên A không quá 02h để cùng xem xét và đưa ra phương án xử lý.

q.

Điều 5. BẤT KHẢ KHÁNG

5.1 “Bất khả kháng” có nghĩa là một sự kiện ngoài khả năng kiểm soát của hai bên, không liên quan đến sự sai phạm hoặc thiếu trách nhiệm của hai bên và không thể thấy trước được. Những sự kiện đó có thể bao gồm, nhưng không hạn chế như: chiến tranh hoặc bạo loạn, cháy, lụt, động đất, dịch bệnh, cấm vận....

5.2 Không Bên nào được coi là vi phạm Hợp đồng và có nghĩa vụ bồi thường vì đã không thực hiện được các nghĩa vụ đã được thỏa thuận trong Hợp đồng do bị ảnh hưởng bởi các sự kiện bất khả kháng theo quy định của pháp luật.

5.3 Trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ khi sự kiện bất khả kháng xảy ra, Bên gặp phải sự kiện bất khả kháng phải thông báo bằng văn bản cho Bên kia biết và trong mọi trường hợp phải dùng mọi nỗ lực cao nhất, phù hợp với hoàn cảnh và trong phạm vi pháp luật cho phép để loại bỏ và khắc phục những nguyên nhân đó một cách nhanh nhất.

5.4 Thời tiết đặc biệt xấu có thể được xem là Bất khả kháng nếu thỏa mãn hai điều kiện sau:

- Đầu tiên, cấp độ gió mùa cao hơn cấp độ 7.
- Thứ hai, có yêu cầu chính thức “không được rời cảng” của Cảng Vụ và/hay Cục Hàng Hải và/hay cơ quan phòng chống lụt bão và/hoặc các cơ quan chức năng liên quan.

5.5 Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên, Bên bị ảnh hưởng trực tiếp bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

- Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý, kịp thời và các biện pháp cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.
- Thông báo ngay bằng văn bản cho bên kia biết trong vòng 03 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng.
- Không bên nào có lỗi hoặc sai sót do không thực hiện các trách nhiệm trong Hợp đồng do Bất khả kháng.

Điều 6. BẢO MẬT THÔNG TIN

6.1 Trong thời hạn có hiệu lực của Hợp đồng này, các Bên cam kết bảo mật toàn bộ các thông tin liên quan bao gồm nhưng không giới hạn ở các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này; các thông tin liên quan được một trong các Bên thông báo bằng lời nói, văn bản hay bằng bất cứ một hình thức nào khác.

6.2 Không Bên nào được tiết lộ hoặc cho phép bất kỳ một bên thứ ba nào sử dụng những thông tin này, ngoại trừ được sự đồng ý bằng văn bản của Bên kia. Nghĩa vụ bảo mật đối với các thông tin được đề cập ở trên không bao gồm các thông tin được hoặc sẽ được công khai rộng rãi hoặc được các Bên thường xuyên cung cấp cho các bên thứ ba mà không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của Bên kia hoặc cung cấp theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

6.3 Hiệu lực của điều khoản bảo mật thông tin không phụ thuộc vào hiệu lực hợp đồng này. Nghĩa vụ bảo mật phải được đảm bảo trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng và sau khi hợp đồng này chấm dứt.

Điều 7. ĐƠN PHƯƠNG CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

Bên A hoặc Bên B có quyền được đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn. Một trong hai bên nếu có nhu cầu đơn phương chấm dứt hợp đồng thì phải thông báo cho Bên kia bằng văn bản biết về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng trước **15** ngày, nếu không thông báo mà gây thiệt hại thì phải bồi thường. Trường hợp, việc đơn phương chấm dứt hợp đồng của một bên phát sinh do lỗi của bên kia, bên vi phạm dẫn đến một bên phải chấm dứt hợp đồng phải chịu các chế tài theo quy định tại hợp đồng này.

Điều 8. PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG

8.1 Trường hợp một trong các Bên chấm dứt hợp đồng mà không phù hợp với quy định tại Điều 7 và/hoặc vi phạm các quy định khác của Hợp đồng này thì phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Bên kia.

8.2 Bồi thường do chậm thanh toán: Nếu đến thời hạn thanh toán mà Bên A chậm thanh toán cho Bên B thì Bên A phải bồi thường cho Bên B khoản phạt do chậm thanh toán theo mức lãi vay của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam tính từ ngày phải thanh toán theo quy định của Hợp đồng.

8.3 Bồi thường do vi phạm tỉ lệ hao hụt: Tỷ lệ hao hụt trên tàu theo từng chuyến hàng không vượt quá% (quy ẩm nếu có) so với Biên bản giám định của tổ chức giám định tại cảng nhận hàng, nếu vượt quá tỷ lệ trên thì Bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường phần hao hụt cho Bên A theo giá trị hiện thời tại cảng nhận.

- Trường hợp đứt gãy niêm phong kẹp chì:

8.4 Bồi thường do hàng hóa bị mất mát, tổn thất:

- Phạt vượt ẩm, hàng hóa bị ẩm ướt:
- Phạt do suy giảm chất lượng:
-

8.5(các điều khoản khác theo thỏa thuận, điều kiện hợp tác giữa 2 bên).

Điều 9. THÔNG BÁO

9.1 Mọi thông báo hay liên lạc được thực hiện theo Hợp đồng này của một Bên gửi Bên còn lại phải được lập bằng văn bản và được gửi bằng thư bảo đảm phát nhanh hay email/fax (kèm theo bản gốc gửi bằng thư bảo đảm).

9.2 Mọi thông báo hay liên lạc theo Hợp đồng này được coi là đã nhận được trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau ngày đóng dấu bưu điện trong trường hợp gửi bằng thư bảo đảm hàng không, ba (03) ngày làm việc sau khi gửi thư chuyển phát nhanh và ngay lập tức nếu chuyển bằng fax hoặc xác định theo thời gian thực nhận, tùy trường hợp nào đến trước.

9.3 Mọi thông báo hay trao đổi thông tin theo Hợp đồng này phải được gửi cho các Bên theo địa chỉ phù hợp nêu tại phần giới thiệu các Bên của Hợp đồng này hoặc theo thông báo hợp lệ điều chỉnh gần nhất của Bên nhận thông tin.

Điều 10. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

10.1 Trong quá trình thực hiện, nếu có bất kỳ tranh chấp nào xảy ra liên quan đến Hợp đồng đều phải được giải quyết thông qua thương lượng giữa các Bên trên cơ sở thiện chí hợp tác và các Bên cùng có lợi. Kết quả thương lượng phải được thể hiện bằng văn bản. Trong trường hợp các Bên không thể tự giải quyết được các tranh chấp thông qua thương lượng, thì tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền nơi có địa chỉ trụ sở chính của Bên A để giải quyết. Quyết định có hiệu lực của Tòa án là quyết định cuối cùng và có giá trị ràng buộc đối với các Bên, án phí và tất cả phí tổn hành chính sẽ do bên thua chịu.

10.2 Hợp đồng này sẽ được điều chỉnh và giải thích theo quy định của pháp luật Việt Nam.

10.3 Mọi sửa đổi và bổ sung liên quan đến Hợp đồng này phải được hai bên thoả thuận và thống nhất bằng văn bản lập thành Phụ lục Hợp đồng.

10.4 Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký và xem như đã được thanh lý và hết hiệu lực nếu hai bên đã hoàn thành các nghĩa vụ của mình trong hợp đồng.

10.5 Hợp đồng này được lập thành bốn (04) bản bằng tiếng Việt và có giá trị pháp lý như nhau. Bên A sẽ giữ hai (02) bản và Bên B sẽ giữ một (02) bản để thực hiện./.

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẠI DIỆN BÊN A

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ VẬN CHUYỂN
V/v cung cấp dịch vụ vận chuyển nội địa bằng đường thủy

Số:...../24-DVVC

- Căn cứ Bộ luật Dân sự hiện hành và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Thương Mại hiện hành và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ vào quyền hạn, nhu cầu và khả năng của hai bên.

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ (“*Hợp đồng*”) này được ký kết vào ngày.....tháng.....năm

Giữa

BÊN A:

Địa chỉ :.....

Điện thoại: Fax:

Mã số thuế:

Đại diện:..... Chức vụ:.....

Tài khoản:

(*Dưới đây được gọi là “Bên A”*)

Và

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM

Địa chỉ: 405 Song hành Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, Tp Thủ Đức, Tp Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 028 37404061

Fax : 028 37404062.

Mã số thuế: 0301975289.

Đại diện : Ông **Đỗ Văn Huân**

Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Tài khoản : 112.000.103.153 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm – Tp HCM.

(*Dưới đây được gọi là “Bên B”*).

Bên A và Bên B được gọi riêng là “*Bên*” và được gọi chung là “*các Bên*”.

Điều 1. NỘI DUNG CÔNG VIỆC

Bên B nhận vận chuyển cho bên A bằng đường thủy nội địa, phương tiện vận chuyển là sà lan:

1.1 Loại hàng hóa: các loại nguyên liệu khác theo nhu cầu của Bên A.

1.2 Đơn giá vận chuyển các tuyến như sau:

STT	Nơi nhận hàng	Nơi trả hàng	Đơn vị tính	Đơn giá vận chuyển chưa bao gồm thuế GTGT (VNĐ/tấn)
1				
2				
3				

1.3 Đơn giá trên bao gồm bảo quản, giao nhận hàng hóa từ nơi nhận hàng đến nơi trả hàng nhưng chưa bao gồm thuế GTGT, phí bốc hàng, phí dỡ hàng, phí gom vét sà lan, bảo hiểm hàng hóa.

1.4 Hình thức hợp đồng: Theo đơn giá điều chỉnh (chỉ áp dụng khi có sự thay đổi về giá nguyên liệu).

- Trường hợp giá nhiên liệu theo quy định gần nhất của Nhà nước tăng hoặc giảm từ 10% trở đi của giá dầu DO (0,05S), hai bên sẽ ký phụ lục hợp đồng điều chỉnh đơn giá tương ứng với mức giá dầu tăng hoặc giảm theo tỷ lệ dầu DO (0,05S): chiếm% trong đơn giá giao hàng tại từng điểm giao hàng. Công thức điều chỉnh đơn giá như sau:

$$\text{ĐGVC}_{\text{mới}} = \text{ĐGVC}_{\text{cũ}} \times ((100\% - a) + a \times \frac{\text{ĐG (DO)}_{\text{mới}}}{\text{ĐG (DO)}_{\text{cũ}})$$

Trong đó:

- a : Tỷ lệ giá dầu trên đơn giá (%).
- ĐGVC_{mới} : Đơn giá vận chuyển mới.
- ĐGVC_{cũ} : Đơn giá vận chuyển cũ.
- ĐG (DO)_{mới} : Đơn giá dầu DO 0.05S mới.
- ĐG (DO)_{cũ} : Đơn giá dầu DO 0.05S cũ.

- Giá nhiên liệu được hai bên thống nhất ngày/..../..... theo công bố của Petrolimex vùng 1 là: DO (0,05S) là đồng/lít.

1.5 Thời gian thực hiện: từ ngày/..../..... đến hết ngày/..../.....

1.6(các điều khoản khác theo thỏa thuận, điều kiện hợp tác giữa 2 bên).

Điều 2. PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN VÀ THANH TOÁN

2.1 Số lượng hàng hóa giao nhận và tính cước vận chuyển căn cứ theo Chứng thư giám định của cơ quan giám định độc lập có thẩm quyền cấp được thực hiện giám định đo đạc tại nơi nhận hàng cho từng sà lan và được niêm phong kẹp chì.

2.2 Trường hợp tại nơi nhận hàng Bên A không thuê Cơ quan Giám định độc lập: khối lượng giao nhận sẽ do Hội đồng đo đạc của Chi nhánh Bên A tại nơi nhận hàng thực hiện.

2.3 Trường hợp tại Nơi trả hàng phát hiện các niêm phong kẹp chì bị hư hỏng, không đúng, không còn nguyên vẹn, hoặc bên A có nghi ngờ về trọng lượng của sà lan (hoặc trường hợp phát hiện không gom vét hết sà lan) thì Hội đồng nghiệm thu Bên A cùng với bên B sẽ kiểm tra đo đạc lại để xác nhận khối lượng vận chuyển. Số lượng hàng hóa giao nhận và tính cước vận chuyển trong trường hợp này sẽ căn cứ theo số lượng đo đạc thấp nhất giữa hai đầu Nơi nhận hàng và Nơi trả hàng. Trong trường hợp này, số lượng hàng bị thiếu hụt so với kết quả của chứng thư giám định sẽ do Bên B gánh chịu theo quy định tại Điều 4.

2.4 Chênh lệch độ ẩm giữa hai đầu nhận và trả hàng cho phép là %.

Trường hợp độ ẩm hàng hóa tại Nơi trả hàng tăng lên vượt mức cho phép so với độ ẩm hàng hóa nhận tại đầu nhận hàng thì khối lượng hàng hóa giao nhận và thanh toán sẽ được quy đổi về độ ẩm thực tế khi nhận hàng tại cảng/khu neo nhận hàng theo công thức:

$$G_q = G_t \times \frac{100 - W_{tpt}}{100 - (W_{tpq} + b)}$$

Trường hợp độ ẩm hàng hóa tại Nơi trả hàng giảm xuống vượt mức cho phép (< b%) so với độ ẩm hàng hóa nhận tại đầu nhận hàng thì khối lượng hàng hóa giao nhận và thanh toán sẽ được quy đổi về độ ẩm thực tế khi nhận hàng tại cảng nhận hàng theo công thức:

$$G_q = G_t \times \frac{100 - W_{tpt}}{100 - W_{tpq}}$$

Trong đó:

- G_q : Khối lượng hàng giao nhận của từng sà lan tương ứng độ ẩm đầu nhận hàng.
- G_t : Khối lượng hàng thực tế qua đo đạc của từng sà lan giao tại nơi trả hàng.
- W_{tpt} : Độ ẩm thực tế tại Nơi trả hàng theo kết quả phân tích của cơ quan giám định độc lập có thẩm quyền thực hiện.

- Wtpq: Độ ẩm thực tế hàng hóa tại Nơi nhận hàng.
- b: Chênh lệch độ ẩm cho phép.

2.5 Trong mọi trường hợp khối lượng hàng hóa thanh toán không vượt quá khối lượng hàng hóa đo đạc tại đầu nhận hàng.

2.6 Tỷ lệ hao hụt cho phép về khối lượng hàng hóa giao nhận giữa hai đầu nhận hàng và trả hàng là ...%.

2.7 Điều kiện thực hiện cho việc chênh lệch về khối lượng tăng giảm do độ ẩm: tại nơi trả hàng, các hầm hàng còn nguyên niêm phong theo đúng nguyên trạng như tại nơi nhận hàng. Trường hợp niêm phong bị mất, đứt, hư hỏng, bên B phải bồi thường 100% giá trị hàng hóa bị thiếu theo giá thị trường do Bên A thông báo, quy về độ ẩm tại đầu nhận hàng.

2.8 Việc quyết toán khối lượng chênh lệch giữa 02 đầu giao nhận được thực hiện vào thời điểm kết thúc của năm và bù trừ giữa các sà lan có số lượng dư và thiếu cho nhau nếu sau khi bù trừ vượt quá tỷ lệ hao hụt cho phép%. Nếu khối lượng chênh lệch giữa hai đầu giao nhận vượt quá%, Bên B sẽ chịu bồi thường toàn bộ giá trị hàng hóa vượt quá mức hao hụt cho phép theo giá thị trường do Bên A thông báo.

2.9 Phương thức thanh toán: 100% bằng chuyển khoản (và bù trừ công nợ - nếu có) với đầy đủ các chứng từ thanh toán:

- Bảng kê thể hiện khối lượng hàng hóa giao nhận trên từng sà lan tại Nơi nhận hàng (đính kèm Biên bản giám định của Cơ quan giám định độc lập có thẩm quyền thực hiện), khối lượng hàng hóa giao nhận trên từng sà lan tại Nơi trả hàng có ghi rõ tình trạng niêm phong kẹp chì sà lan (đính kèm Biên bản đo đạc sà lan tại bến trả hàng nếu Bên A thực hiện đo đạc lại) có chữ ký xác nhận của đại diện hai bên (bản chính).

- Phiếu kết quả thử nghiệm độ ẩm hàng hóa của cơ quan giám định độc lập có thẩm quyền thực hiện tại Nơi nhận hàng (nếu có do Bên A cung cấp).

- Phiếu kết quả thử nghiệm độ ẩm hàng hóa của phòng thí nghiệm –KCS Chi nhánh Bên A.

- Hóa đơn GTGT hợp lệ của Bên B (xuất theo nơi trả hàng hoặc theo đề nghị của Bên A):

- Tên Công ty, Địa chỉ, Mã số thuế:

+ Bên B phải gửi đầy đủ Hồ sơ thanh toán cho Bên A trong vòng 14 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn.

+ Thời hạn thanh toán: Thanh toán trong vòng tháng kể từ ngày Bên A nhận đầy đủ hồ sơ thanh toán nêu trên.

2.10(các điều khoản khác theo thỏa thuận, điều kiện hợp tác giữa 2 bên).

Điều 3. TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN:

3.1 Trách nhiệm của Bên A:

- Chịu trách nhiệm đầy đủ về mặt pháp lý (hợp pháp) của hàng hóa vận chuyển. Có trách nhiệm cung cấp cho Bên B các giấy tờ cần thiết có liên quan tới hàng hóa để đi đường. Trường hợp hàng hóa bị cơ quan chức năng giữ lại kiểm tra thì trách nhiệm/lỗi của bên nào thì bên đó có trách nhiệm xử lý và gánh chịu.
- Điều phối bốc xếp tại bến giao hàng theo nguyên tắc: sà lan đến trước bốc trước, đến sau bốc sau. Trong trường hợp thay đổi thứ tự bốc xếp thì phải thỏa thuận trước với bên B.
- Trong trường hợp có nhiều tàu biển cập cảng nhận hàng cùng lúc, Bên A sẽ thông báo cho Bên B mức độ ưu tiên xếp dỡ của từng tàu để Bên B thực hiện.
- Thông báo kế hoạch nhận hàng mỗi tháng trước 07 ngày làm việc bằng văn bản hoặc email thông báo từ ngày đầu tháng và xác báo trước 07 ngày thời gian của từng chuyến tàu cập Cảng nhận hàng (nếu có thay đổi).
- Cùng với bên B giải quyết những vướng mắc trong suốt quá trình vận chuyển.
- Thuê cơ quan giám định có thẩm quyền và chịu chi phí giám định.
- Bên A được quyền yêu cầu Bên B thay thế phương tiện vận chuyển/người điều khiển khi cho rằng phương tiện vận chuyển/người điều khiển không đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật và đảm bảo an toàn cho hàng hóa hoặc tiến độ giao hàng theo yêu cầu của Bên A.
- Trong trường hợp đặc biệt, do nhu cầu khẩn cấp hoặc thời gian cao điểm, Bên B được phép thuê bên thứ ba cùng thực hiện công việc tại hợp đồng này nhưng phải được sự chấp thuận của Bên A trước khi thực hiện. Trách nhiệm pháp lý phát sinh liên quan tới bên thứ 03 do Bên B trực tiếp, độc lập chịu trách nhiệm.
- Có trách nhiệm mua bảo hiểm hàng hóa cho lô hàng hoặc các sà lan nhận hàng.
- Trường hợp Bên A thanh toán chậm theo điều 2 của hợp đồng này thì phải chịu mức lãi xuất ngắn hạn của ngân hàng Vietcombank.
- Trong vòng 72 giờ tính từ khi sà lan cập bến giao, nhận hàng nếu Bên A chưa tiến hành hoặc kéo dài thời gian xếp dỡ hàng hóa thì phải chịu phạt số tiền lưu bến cho Bên B là: 5.000 đồng/tấn/ngày nhưng không vượt quá 04 ngày (không tính thời gian do bất khả kháng, mưa, bão,...). Quá thời hạn nêu trên, nếu Bên A vẫn chưa tiến hành bốc hàng thì Bên B có quyền tự điều động và giải phóng phương tiện. Khoản tiền phạt lưu bến được thực hiện ngay sau khi kết thúc đợt giao hàng với chứng từ hợp lệ, bằng biên bản xác nhận của hai bên hoặc các văn bản thông báo thời gian sà lan bắt đầu được tính tiền lưu bến của Bên B gửi cho Bên A.

- Cùng với Bên B phối hợp để xử lý các vụ việc phát sinh nếu có.
-(các điều khoản khác theo thỏa thuận, điều kiện hợp tác giữa 2 bên).

3.2 Trách nhiệm của Bên B:

- Phương tiện phải có đầy đủ giấy tờ hợp lệ, hợp pháp trong quá trình thực hiện hợp đồng theo quy định của pháp luật.
- Đảm bảo có đủ phương tiện cần thiết để vận chuyển hết khối lượng hàng hóa theo yêu cầu của Bên A.
- Phương tiện sà lan của Bên B phải có đủ trang bị để che đậy hàng hóa không bị ẩm ướt và hư hỏng, đủ các trang bị an toàn theo quy định của Nhà nước.
- Chịu trách nhiệm đầy đủ về mặt pháp lý các giấy tờ lưu hành phương tiện và người điều khiển theo Luật giao thông quy định về an toàn của phương tiện từ lúc nhận hàng đến lúc trả hàng.
- Phương tiện của Bên B phải tuân thủ theo đúng nội quy bến và sự sắp xếp điều động của Bên A tại các đầu bến để tránh gây trở ngại đến việc giải phóng phương tiện và làm ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất của Bên A.
- Chịu trách nhiệm hoàn toàn về khối lượng, chất lượng hàng hóa trong suốt quá trình vận chuyển từ khi tiếp nhận cho đến khi giao cho Bên A tại bến giao hàng. Nếu để xảy ra thiệt hại cho Bên A như: thiếu hụt, ẩm ướt ..., Bên B có trách nhiệm bồi thường theo thực tế thiệt hại phát sinh theo thông báo yêu cầu bồi thường của Bên A.
- Thực hiện đầy đủ việc đo dung tích các loại phương tiện theo barem do Đăng kiểm cấp trước khi điều động để vận chuyển.
- Mua phí bảo hiểm phương tiện, bảo hiểm dân sự và mở rộng bảo hiểm hàng hóa (nếu có).
- Trong quá trình lưu đậu, nhận hàng và giao hàng, Bên B phải có trách nhiệm giữ gìn an ninh trật tự, an toàn, phòng chống cháy nổ, vệ sinh chung và vệ sinh môi trường, tuân thủ các nội quy Bến cảng của Bên A, nếu gây thiệt hại cho Bên A hoặc Bên thứ ba thì phải khắc phục và bồi thường mọi thiệt hại.
- Trường hợp Bên A không đảm bảo thanh toán đúng hạn theo điều hai của hợp đồng này thì Bên B được quyền từ chối vận chuyển hàng hóa của Bên A mà không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với kế hoạch vận chuyển của Bên A.
- Cùng với Bên B phối hợp để xử lý các vụ việc phát sinh nếu có.
-(các điều khoản khác theo thỏa thuận, điều kiện hợp tác giữa 02 bên).

Điều 4. TRÁCH NHIỆM KHI VI PHẠM HỢP ĐỒNG

4.1 Trong trường hợp Bên B làm hao hụt, bị mất hàng hóa trong quá trình vận chuyển sẽ phải bồi thường 100% giá trị hàng hóa đó theo giá mua các loại hàng hóa tại Nơi nhận hàng. Bên A không phải thanh toán tiền vận chuyển số hàng bị hao hụt hay bị mất cho Bên B. Số lượng hao hụt sẽ được quyết toán từng quý, dựa theo biên bản giao nhận giữa hai bên.

4.2 Trường hợp hàng hóa bị suy giảm chất lượng do bị ướt trong quá trình vận chuyển thì Bên A sẽ không thanh toán tiền cước vận chuyển của khối lượng hàng hóa tăng lên do ướt gây ra và ngoài ra Bên B phải bồi thường cho Bên A tiền hàng hóa bị ướt vượt mức cho phép. Tỷ lệ % suy giảm chất lượng tương ứng với tỷ lệ % giá hàng hóa theo công thức:

Số tiền bồi thường = % suy giảm chất lượng x giá hàng hóa x số tấn suy giảm chất lượng.

(Việc xác định % suy giảm chất lượng của hàng hóa sẽ do bên A thực hiện)

4.3 Trường hợp Bên B vận chuyển chậm tiến độ theo thông báo vận chuyển và hoặc vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào khác trong hợp đồng này và/hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng, Bên B phải nộp phạt vi phạm với mức phạt tối đa 8% giá trị hợp đồng bị vi phạm và bồi thường các thiệt hại phát sinh.

4.4 Bồi thường do chậm thanh toán: Nếu đến thời hạn thanh toán mà Bên A chậm thanh toán cho Bên B thì Bên A phải bồi thường cho Bên B khoản phạt do chậm thanh toán theo mức lãi vay của Ngân hàng (theo thỏa thuận giữa hai bên) tính từ ngày phải thanh toán theo quy định của Hợp đồng.

4.5(các điều khoản khác theo thỏa thuận, điều kiện hợp tác giữa 2 bên).

Điều 5. BẤT KHẢ KHÁNG

5.6 Bất khả kháng” có nghĩa là một sự kiện ngoài khả năng kiểm soát của hai bên, không liên quan đến sự sai phạm hoặc thiếu trách nhiệm của hai bên và không thể thấy trước được. Những sự kiện đó có thể bao gồm, nhưng không hạn chế như: chiến tranh hoặc bạo loạn, cháy, lụt, động đất, dịch bệnh, cấm vận....

5.7 Không Bên nào được coi là vi phạm Hợp đồng và có nghĩa vụ bồi thường vì đã không thực hiện được các nghĩa vụ đã được thỏa thuận trong Hợp đồng do bị ảnh hưởng bởi các sự kiện bất khả kháng theo quy định của pháp luật.

5.8 Trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ khi sự kiện bất khả kháng xảy ra, Bên gặp phải sự kiện bất khả kháng phải thông báo bằng văn bản cho Bên kia biết và trong mọi trường hợp phải dùng mọi nỗ lực cao nhất, phù hợp với hoàn cảnh và trong phạm vi pháp luật cho phép để loại bỏ và khắc phục những nguyên nhân đó một cách nhanh nhất.

5.9 Bên gặp sự kiện bất khả kháng sẽ bằng mọi khả năng có thể khắc phục hoặc ngăn chặn nhằm hạn chế tối đa tổn thất xảy ra. Kể từ khi sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc tối đa trong vòng 30 ngày sau khi sự cố bất khả kháng kết thúc,

nếu Bên gặp sự kiện bất khả kháng không thể khắc phục để tiếp tục thực hiện hợp đồng, các Bên sẽ xem xét thanh lý phụ lục hợp đồng liên quan đến sự kiện bất khả kháng hoặc chấm dứt hợp đồng này.

Điều 6. BẢO MẬT THÔNG TIN

6.4 Trong thời hạn có hiệu lực của Hợp đồng này, các Bên cam kết bảo mật toàn bộ các thông tin liên quan bao gồm nhưng không giới hạn ở các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này; các thông tin liên quan được một trong các Bên thông báo bằng lời nói, văn bản hay bằng bất cứ một hình thức nào khác.

6.5 Không Bên nào được tiết lộ hoặc cho phép bất kỳ một bên thứ ba nào sử dụng những thông tin này, ngoại trừ được sự đồng ý bằng văn bản của Bên kia. Nghĩa vụ bảo mật đối với các thông tin được đề cập ở trên không bao gồm các thông tin được hoặc sẽ được công khai rộng rãi hoặc được các Bên thường xuyên cung cấp cho các bên thứ ba mà không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của Bên kia hoặc cung cấp theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

6.6 Hiệu lực của điều khoản bảo mật thông tin không phụ thuộc vào hiệu lực hợp đồng này. Nghĩa vụ bảo mật phải được đảm bảo trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng và sau khi hợp đồng này chấm dứt.

Điều 7. ĐƠN PHƯƠNG CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

Bên A hoặc Bên B có quyền được đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn. Một trong hai bên nếu có nhu cầu đơn phương chấm dứt hợp đồng thì phải thông báo cho Bên kia bằng văn bản biết về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng trước **15** ngày, nếu không thông báo mà gây thiệt hại thì phải bồi thường. Trường hợp, việc đơn phương chấm dứt hợp đồng của một bên phát sinh do lỗi của bên kia, bên vi phạm dẫn đến một bên phải chấm dứt hợp đồng phải chịu các chế tài theo quy định tại hợp đồng này.

Điều 8. THÔNG BÁO

8.1 Mọi thông báo hay liên lạc được thực hiện theo Hợp đồng này của một Bên gửi Bên còn lại phải được lập bằng văn bản và được gửi bằng thư bảo đảm phát nhanh hay email/fax (kèm theo bản gốc gửi bằng thư bảo đảm).

8.2 Mọi thông báo hay liên lạc theo Hợp đồng này được coi là đã nhận được trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau ngày đóng dấu bưu điện trong trường hợp gửi bằng thư bảo đảm hàng không, ba (03) ngày làm việc sau khi gửi thư chuyển phát nhanh và ngay lập tức nếu chuyển bằng fax hoặc xác định theo thời gian thực nhận, tùy trường hợp nào đến trước.

8.3 Mọi thông báo hay trao đổi thông tin theo Hợp đồng này phải được gửi cho các Bên theo địa chỉ phù hợp nêu tại phần giới thiệu các Bên của Hợp đồng này hoặc theo thông báo hợp lệ điều chỉnh gần nhất của Bên nhận thông tin.

Điều 9. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

9.1 Trong quá trình thực hiện, nếu có bất kỳ tranh chấp nào xảy ra liên quan đến Hợp đồng đều phải được giải quyết thông qua thương lượng giữa các Bên trên cơ sở thiện chí hợp tác và các Bên cùng có lợi. Kết quả thương lượng phải được thể hiện bằng văn bản. Trong trường hợp các Bên không thể tự giải quyết được các tranh chấp thông qua thương lượng, thì tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền nơi có địa chỉ trụ sở chính của Bên A để giải quyết. Quyết định có hiệu lực của Tòa án là quyết định cuối cùng và có giá trị ràng buộc đối với các Bên, án phí và tất cả phí tổn hành chính sẽ do bên thua chịu.

9.2 Hợp đồng này sẽ được điều chỉnh và giải thích theo quy định của pháp luật Việt Nam.

9.3 Mọi sửa đổi và bổ sung liên quan đến Hợp đồng này phải được hai bên thoả thuận và thống nhất bằng văn bản lập thành Phụ lục Hợp đồng.

9.4 Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký và xem như đã được thanh lý và hết hiệu lực nếu hai bên đã hoàn thành các nghĩa vụ của mình trong hợp đồng.

9.5 Hợp đồng này được lập thành bốn (04) bản bằng tiếng Việt và có giá trị pháp lý như nhau. Bên A sẽ giữ hai (02) bản và Bên B sẽ giữ một (02) bản để thực hiện./.

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẠI DIỆN BÊN A

